CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN QLBT ĐTNĐ SỐ 4
NĂM 2018

Bắc Ninh, tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN QLBT ĐTNĐ SỐ 4
NĂM 2018

Bắc Ninh, tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Số: 152/HĐQT-BC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NỘI DUNG

I. Thông tin chung.

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch:	Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	2300882483 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 05/3/2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/04/2015.
- Vốn điều lệ:	11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Địa chỉ:	Số 118 - Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
- Số điện thoại:	02223 826 746
- Số fax:	02223 823 366
- Website:	www.inwama4.vn
- Mã cổ phiếu:	DT4

Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 là Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4 được thành lập 11/7/1964, là đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ngày 03/12/2014 Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 4568/QĐ – BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4, thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thành Công ty cổ phần.

- Ngày 04/02/2015 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có Quyết định số 134/QĐ - CĐTNĐ của về việc cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

- Ngày 05/3/2015 Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 chính thức đi vào hoạt động theo giấy đăng ký doanh nghiệp số: 2300882483 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 05/3/2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/04/2015.

- Ngày 12/7/2016 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 428/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4; Thông báo số 686/TB-SGDHN ngày

12/7/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo ngày giao dịch đầu tiên của Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;

Công văn số 4900/BGTVT-QLDN về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa; Công văn số 8341/VPCP-ĐMDN ngày 04/10/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước về SCIC; Công văn số 1228/BGTVT-QLDN ngày 18/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa;

Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 đã lập hồ sơ chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước theo đúng yêu cầu của SCIC. Ngày 07/11/2016 tại trụ sở Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải (GTVT) và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC) thống nhất lập biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số: 4,7,9,11,12,12,14,15 từ Bộ GTVT về SCIC.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy.	*5222 (chính)*
2	Xây dựng nhà các loại	*4100*
3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	*4210*
4	Xây dựng công trình công ích	*4220*
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4290*
6	Phá dỡ	*4311*
7	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
8	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	*4322*
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
11	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
13	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
14	Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông	*0899*

STT	Tên ngành	Mã ngành
15	Đóng tàu và kết cấu nổi	*3011*
16	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
17	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan	*4661*
18	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy.	*7110*
19	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy	*3290*
20	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	*5021*
21	Vận tài hàng hóa đường thủy nội địa	*5022*
22	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	*7830*
23	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
24	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	*4933*
25	Sản xuất và phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá	*3530*
26	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	*1104*
27	Mua bán, cho thuê phương tiện đường thủy, đường bộ. Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện	*Ngành, nghề chưa khớp với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*

* Địa bàn kinh doanh: Tập trung tại khu vực phía bắc.

3. SƠ ĐỒ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

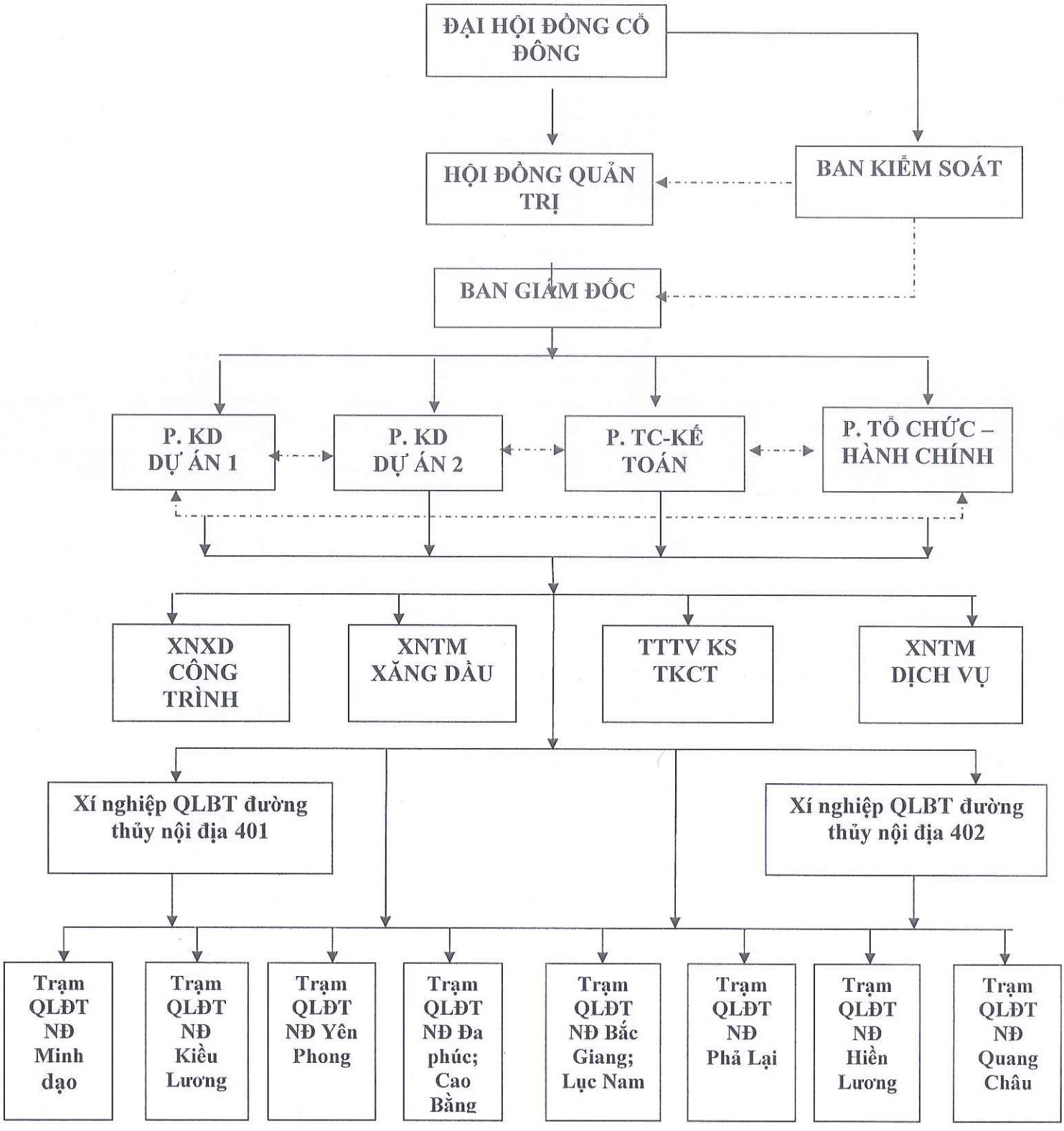

Ghi chú:

Quan hệ điều hành: ——→

Quan hệ phối hợp: ←- - - -→

Quan hệ giám sát: - - - - - →

3.1. Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, quyết định các vấn đề liên quan:

- Thông qua Điều lệ, sửa đổi bổ sung Điều lệ hoạt động;
- Phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Bầu, bãi nhiệm HĐQT, BKS; thù lao cho thành viên HĐQT, BKS;
- Phương án chào bán, phát hành chứng khoán tăng vốn điều lệ;
- Chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm năm;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty quy định.

3.2. Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đội hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định:

- Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;
- Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, đề xuất mức chi trả cổ tức hàng năm;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương theo chức năng;
- Đề xuất các loại cổ phiếu phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Quyết định triệu tập Đại hội đồng Cổ đông theo quy định;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Công ty quy định.

3.3.Ban kiểm soát:

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lí, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty, Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành.

- Kiểm tra giám sát toàn bộ mọi hoạt động trong nội bộ Công ty; báo cáo tài chính năm, các vấn đề kiểm toán, hoạt động của Công ty;

- Hằng năm, trình Đại hội đồng Cổ đông các báo cáo thẩm tra tài chính, những sự kiện tài chính bất thường, những sự kiện có thể tác động xấu đến quyền và lợi ích của Công ty, nêu ra những nhận xét về ưu và khuyết điểm trong quản lý của HĐQT và Giám đốc;

- Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật;

- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Công ty;

3.4.Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Là người đại diện pháp luật của Công ty. Có trách nhiệm giám sát Giám đốc trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

3.5. Ban Giám đốc điều hành:

Giám đốc là người điều hành hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về các quyết định của mình và kết quả hoạt động kinh doanh. Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, các cấp quản lý trong Công ty, xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, liên doanh liên kết trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Các Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc Công ty, điều hành hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và Pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Các phòng chức năng:

Các phòng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Giám đốc các công việc thuộc phạm vi chức năng của Phòng đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc của trong việc thực hiện mục tiêu và chiến lược chung của Công ty.

3.6. Các phòng nghiệp vụ:

*** Các phòng:**

1.1- Phòng Kinh doanh – Dự án 1;

1.2- Phòng Kinh doanh – Dự án 2;

1.3- Phòng Tổ chức Hành chính;

1.4- Phòng Tài chính – Kế toán;

*** Các đơn vị trực thuộc:**

+ Xí nghiệp TM Xăng dầu	+ Xí nghiệp thương mại và dịch vụ
+ Xí nghiệp xây dựng công trình	+ Trung tâm tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông
+ Chi nhánh Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy 401 gồm: - Trạm QLĐTNĐ Minh Đạo - Trạm QLĐTNĐ Kiều Lương - Trạm QLĐTNĐ Yên Phong - Trạm QLĐTNĐ Đa Phúc - Trạm QLĐTNĐ Cao Bằng	+ Chi nhánh Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy 402 gồm: - Trạm QLĐTNĐ Bắc Giang - Trạm QLĐTNĐ Phả Lại - Trạm QLĐTNĐ Hiền Lương - Trạm QLĐTNĐ Quang Châu - Trạm QLĐTNĐ Lục Nam

*** Mô hình tổ chức bộ máy:**

Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị: 05 người (01 Chủ tịch, 4 ủy viên HĐQT)

Ban kiểm soát: 03 người (01 Trưởng ban, 02 ủy viên)

Ban Giám đốc: 04 người (01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc)

3.6.1- Phòng Kinh doanh – Dự án 1:

Chức năng:

Tham mưu cho Ban Giám đốc về:

- Chủ trì xây dựng kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh, hoạt động của Công ty;
- Công tác quản lý kinh tế, kỹ thuật;
- Công tác điều động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực phòng quản lý;
- Quản lý dự án trong lĩnh vực kinh doanh được giao, bao gồm:
  + Tiếp cận các dự án đầu tư tiềm năng;
  + Tiến hành các bước để tham gia thầu, chỉ định thầu, nhận thầu;
  + Đề xuất phương án triển khai thi công;
  + Thanh quyết toán A, B;
  + Lưu trữ hồ sơ, phục vụ quyết toán, thanh tra, kiểm toán, kiểm tra dự án;
- Công tác ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật;
- Công tác xây dựng kế hoạch đầu tư và xúc tiến đầu tư.

Thực hiện các chức năng khác do Giám đốc giao.

Nhiệm vụ, quyền hạn và định biên nhân sự:

Nhiệm vụ quyền hạn:

- Chủ trì tổ chức thẩm tra thiết kế các giai đoạn trong quá trình đầu tư xây dựng công trình;

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định kỹ thuật, quy trình, quy phạm và công tác thi công của nhà thầu, kịp thời đề xuất phương án xử lý;

- Theo dõi, tổng hợp khối lượng thi công, tình hình thi công, tình hình thu hồi vốn; đề nghị các giải pháp kỹ thuật, biện pháp cụ thể cho công tác thi công, công tác thu hồi vốn, giúp Giám đốc kịp thời chỉ đạo tiến độ thi công, quản lý chất lượng của Công trình.

- Chủ trì phối hợp, đôn đốc các đơn vị thi công trong việc lập và trình duyệt biện pháp thi công, tổng tiến độ thi công; kiểm tra, rà soát soát kết quả thực hiện tiến độ theo tiến độ thi công đã được phê duyệt trong hợp đồng, để đề xuất các biện pháp đẩy nhanh tiến độ,và đảm bảo cho công trình khi thi công.

- Công tác tham gia, cho ý kiến văn bản định mức quy chế khi có yêu cầu của ngành dọc, Bộ, Cục, của cơ quan quản lý nhà nước khác;

- Công tác tham gia cho ý kiến liên quan tuyến luồng thuộc phạm vi Công ty được giao, đặt hàng, hợp đồng bảo trì;

- Duy tu bảo trì tuyến, công tác đặc thù;

- Công tác phòng va trôi, chống bão lũ, thiên tai;

- Kiểm tra liên ngành, phối hợp cùng các địa phương;

- Quản lý kinh doanh thương mại xăng dầu;

- Thực hiện các nhiệm vụ, dự án khác theo yêu cầu của Ban Giám đốc.

b) Định biên nhân lực

Với khối lượng công việc như trên Phòng Kinh doanh - Dự án 1, biên chế 04 người, trong đó:

- 01 Trưởng phòng;

- 03 chuyên viên.

3.6.2- Phòng Kinh doanh – Dự án 2:

Phòng Phòng Kinh doanh - Dự án 2

3.1. **Chức năng**:

* Tham mưu cho Ban Giám đốc về:

- Chủ trì quản lý dự án trong lĩnh vực kinh doanh được giao, bao gồm:

+ Tiếp cận các dự án đầu tư tiềm năng;

+ Tiến hành các bước để tham gia thầu, chỉ định thầu, nhận thầu;

+ Đề xuất phương án triển khai thi công;

+ Thanh quyết toán A, B công trình;

+ Lưu trữ, phục vụ quyết toán, thanh tra, kiểm toán, kiểm tra dự án.

- Công tác quản lý kinh tế, kỹ thuật; Công tác điều động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực được giao;

- Công tác xây dựng kế hoạch, sản xuất kinh doanh đầu tư và xúc tiến đầu tư;

- Tham gia xây dựng kế hoạch, chiến lược hoạt động của Công ty;

- Công tác ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật;

- Thực hiện các chức năng khác do Ban Giám đốc giao.

3.2. Nhiệm vụ quyền hạn, định biên nhân sự

a) Nhiệm vụ quyền hạn:

- Chủ trì tổ chức thẩm tra thiết kế các giai đoạn trong quá trình đầu tư xây dựng công trình;

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định kỹ thuật, quy trình, quy phạm và công tác thi công của nhà thầu, kịp thời đề xuất phương án xử lý;

- Theo dõi, tổng hợp khối lượng thi công, tình hình thi công, tình hình thu hồi vốn; đề nghị các giải pháp kỹ thuật, biện pháp cụ thể cho công tác thi ccong, công tác thu hồi vốn, giúp Giám đốc kịp thời chỉ đạo tiến độ thi công, quản lý chất lượng của Công trình.

- Chủ trì phối hợp, đôn đốc các đơn vị thi công trong việc lập và trình duyệt biện pháp thi công, tiến độ thi công; kiểm tra, rà soát soát kết quả thực hiện tiến độ theo tiến độ thi công đã được phê duyệt trong hợp đồng, để đề xuất các biện pháp nhằm đảm bảo tiến độ cho công trình khi thi công.

- Công tác điều tiết đảm bảo ATGT;

- Công tác điều tiết phục vụ các công trình thi công xây dựng;

- Sản xuất, sửa chữa, thay thế báo hiệu thủy bộ, cơ khí;

- Dịch vụ xây dựng công trình;

- Quản lý sản xuất kinh doanh đá viên và nước tinh khiết;

- Thực hiện các nhiệm vụ, dự án khác theo yêu cầu của Ban Giám đốc

b) Định biên nhân sự

Với khối lượng công việc như trên Phòng Kinh doanh - Dự án 2, biên chế 04 người, trong đó:

- 01 Trưởng phòng;

- 03 chuyên viên.

3.6.3- Phòng Tổ chức Hành chính;

I. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng TC-HC:

1. Chức năng:

1.1. Tham mưu cho Giám đốc trong việc quản lý, sắp xếp và sử dụng có hiệu quả toàn bộ đôi ngũ CB-CNV thuộc phạm vi đã được phân cấp quản lý.

1.2. Nghiên cứu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty để đề đạt quy mô tổ chức sản xuất, tổ chức lao động phù hợp, quản lý chặt chẽ, bảo đảm không ngừng tăng năng xuất lao động trong Công ty.

1.3.Tổ chức thực hiện tốt chế độ chính sách đã được Nhà nước qui định, đối với người lao động. Phối hợp với tổ chức quần chúng của Đảng (công đoàn, đoàn thanh niên), tổ chức các phong trào thi đua trong công nhân viên chức, sơ tổng kết

khen thưởng kịp thời nhằm động viên hoàn thành nhiệm vụ mà cấp trên giao cho Công ty.

1.4. Tổ chức giáo dục CB-CNV nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng bảo vệ an ninh chính trị, bảo vệ sản xuất , bảo vệ tài sản và trật tự cơ quan.

2/ Nhiệm vụ:

2.1. Giúp Giám đốc nắm vững tình hình từng CBCNVC trong Công ty. Nắm vững trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật, năng lực, sở trường, nguyện vọng, sức khoẻ, lịch sử gia đình bản thân của từng CBCNV để có kế hoạch bồi dưỡng đúng năng lực, nhằm phát huy khả năng trình độ, phù hợp với đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

2.2. Căn cứ vào tình hình sản xuất của Công ty, nghiên cứu xây dựng chức trách, nhiệm vụ, đề xuất, thành lập hoặc giảm nhẹ tổ chức sản xuất cho phù hợp yêu cầu thực tế của Công ty.

2.3. Căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất của Công ty lập kế hoạch lao động - tiền lương và quy chế sử dụng lao động, tiền lương, tiền thưởng, kế hoạch cải thiện chế độ, điều kiện làm việc, bảo hiểm lao động, kế hoạch BHYT và có những biện pháp thực hiện những kế hoạch đó có hiệu quả tốt nhất.

2.4. Tham mưu đề xuất điều động, điều phối CB-CNV trong nội bộ sao cho sử dụng hiệu quả nguồn lao động nội bộ hiện có và kiến nghị cấp trên điều động.

2.5. Quản lý chặt chẽ, chính xác hồ sơ lý lịch CB-CNV thuộc quyền phân cấp quản lý của Công ty.

2.6. Lập kế hoạch thường xuyên đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nhân viên nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật hàng năm đúng chính sách, chế độ.

2.7. Nghiên cứu thực hiện đúng đắn đường lối chính sách cán bộ của Đảng trong việc bổ nhiệm sử dụng cán bộ theo phân cấp quản lý.

2.8. Tổ chức điều tra, kiểm tra các vụ tai nạn lao động, kết hợp với công đoàn các sở cơ quan địa phương và cơ quan nhà nước có liên quan giải quyết .

2.9. Nghiên cứu sử dụng lao động thật hợp lý và khoa học, tổ chức thực hiện tốt kỷ luật lao động, phối hợp với các phòng ban chuyên môn, xây dựng các chỉ tiêu định mức lao động, hình thức trả lương sản phẩm hợp lý nhằm khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao năng suất lao động góp phần giảm, hạ giá thành sản phẩm.

2.10. Quản lý và giám sát chặt chẽ chế độ trả lương chế độ tiền thưởng đúng chính sách đúng chế độ và đúng quy chế trả lương đã được Công ty xây dựng.

2.11. Thực hiện đúng chế độ báo cáo thường xuyên, đột xuất đến lãnh đạo Công ty và cấp trên đúng thời gian quy định và phân cấp báo cáo (tháng, năm).

2.12. Theo dơi, phân tích hồ sơ các vụ việc vi phạm kỷ luật trình giám đốc triệu tập hội đồng xử lý, giáo dục kịp thời.

2.13. Theo dõi thống kê tình hình sử dụng, quản lý thời gian lao động, tiền lương và năng xuất lao động và có phương án đề xuất quản lý lao động có hiệu quả hơn

2.14. Tổ chức tuyên truyền giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng nhắc nhở ý thức bảo mật phòng gian, an ninh trật tự trong nội bộ.

2.15. Soạn thảo văn bản theo nhiệm vụ được giao, trình ký văn bản, đóng dấu, in ấn và phát hành đúng theo địa chỉ nơi nhận.

2.16. Tiếp nhận công văn, tài liệu đến và trình lãnh đạo xem xét để có sự chỉ đạo giải quyết kịp thời.

2.17. Thực hiện công tác đối nội, đối ngoại để giải quyết công việc khi được Công ty uỷ quyền.

2.18. Trang cấp, quản lý, điều chuyển thiết bị văn phòng, công cụ dụng cụ làm việc cho lãnh đạo công ty và các phòng theo yêu cầu đòi hỏi của công việc.

2.19. Tổ chức công tác bảo vệ, công tác vệ sinh, giữ gìn an ninh trật tự nơi làm việc, quản lý giờ giấc làm việc của CBCNV văn phòng.

2.20. Cấp giấy đi đường, giấy giới thiệu cho lãnh đạo và cán bộ đi công tác. Bố trí và điều động xe con phục vụ lãnh đạo theo yêu cầu.

2.21. Quan hệ với chính quyền sở tại đê giải quyết các thủ tục hành chính cho CBCNV đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

2.22. Phối hợp với công đoàn xây dựng các tiêu chuẩn thi đua khen thưởng và tham mưu cho lãnh đạo xét duyệt, đề nghị các mức mức khen thưởng khi CBCNV có thành tích trong lao động sản xuất.

3/ Quyền hạn:

3.1. Được quyền kiểm tra tình hình sử dụng, quản lý lao động, chấp hành kỷ luật lao động, chấp hành chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước và quy chế quản lý các mặt của Công ty đối với người lao động trong các đơn vị sản xuất, công tác của Công ty.

3.2. Được quyền điều động, điều hoà lao động trong nội bộ nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thường xuyên cũng như đột xuất sau khi đã xin ý kiến của Giám đốc.

3.3. Được quyền tổ chức phối hợp các phòng ban liên quan, kiểm tra đình chỉ những máy móc, thiết bị công cụ những bộ phận và cá nhân không chấp hành quy tắc và đảm bảo an toàn lao động xét thấy có thể gây ra tai nạn nguy hiểm đến tính mạng công nhân, tài sản nhà nước (việc đình chỉ có thể báo cáo Giám đốc trước hoặc sau khi quyết định).

3.4. Được quyền triệu tập các cuộc họp bàn, chuyên đề về công tác nhân sự, tiền lương, phổ biến chính sách chế độ đổi mới của người lao động.

3.5. Được quyền từ chối cung cấp chứng từ, hồ sơ, số liệu cho tổ chức hoặc cá nhân khi xét thấy không có lợi của người lao động, hoặc không thuộc chức năng của họ khi chưa có ý kiến của Giám đốc Công ty.

3.6. Được ký sao lục các văn bản chế độ chính sách của người lao động và cấp trên đối với công tác nhân sự tiền lương (Giám đốc uỷ quyền)

3.7. Được quyền yêu cầu các phòng ban, đơn vị, bộ phận trực thuộc cung cấp số liệu, chứng từ đầy đủ kịp thời phục vụ cho xây dựng kế hoạch yêu cầu về quản lý và báo cáo có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của phòng khi cần, không cần chờ ý kiến của lãnh đạo Công ty.

3.6.4- Phòng Tài chính – Kế toán

I. Chức năng, nhiệm vụ, nhân sự của phòng Tài chính – Kế toán

1. Chức năng, nhiệm vụ:

- Tham gia xây dựng kế hoạch kinh doanh đối với sản xuất phụ, xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị;

- Công tác giao dịch với cơ quan tài chính, quản lý như Kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Ninh, Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh, các ngân hàng thương mại và các đối tác kinh doanh khác;

- Tổ chức hệ thống tài chính, kiểm soát hồ sơ, chứng từ đầu vào, đầu ra, tổ chức bộ máy hạch toán kế toán, chi tiết cho từng bộ phận kế toán cụ thể:

+ Kế toán tổng hợp, xây dựng giá thành, phản ánh chi tiết hoạt động.
+ Kế toán thanh toán.
+ Kế toán giao dịch kho bạc .
+ Kế toán giao dịch ngân hàng.
+ Kế toán thuế.
+ Kế toán tài sản cố định.
+ Kế toán tiền lương, và các khoản trích lập theo lương.
+ Kế toán tiền mặt.
+ Kế toán công nợ.

- Công tác thủ quỹ, thủ kho.

II. Nhân sự:

Phòng kế toán tài vụ là phòng chức năng trực thuộc Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4, nhân sự hiện có của phòng là 05 cán bộ, gồm 01 nam và 04 nữ, cụ thể:

- 01 Phó trưởng Phòng – Phụ trách chung

- 01 Phó Phòng phụ trách hạch toán kế toán tổng hợp, xây dựng giá thành, phản ánh chi tiết hoạt động, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lơng và các phải nộp theo lương, kế toán công nợ toàn Công ty; Các nhiệm vụ khác do Trưởng phòng phân công

- 01 Phó phòng phụ trách giao dịch ngân hàng, kho bạc, thuế và các nhiệm vụ khác do Trưởng Phòng phân công.

- 01 kế toán viên chuyên trách theo dõi kinh doanh xăng dầu; Kế toán thanh toán; Kế toán Thuế và các nhiệm vụ khác do Trưởng phòng phân công;

- 01 thủ quỹ kiêm thủ kho.

3.6.5- Xí nghiệp thương mại Xăng dầu:

Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy.	*5222 (chính)*
2	Xây dựng nhà các loại	*4100*
3	Xây dựng công trình công ích	*4220*
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4290*
5	Phá dỡ	*4311*
6	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
7	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
8	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	*4322*
9	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
10	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
11	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
12	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
13	Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông	*0899*
14	Đóng tàu và kết cấu nổi	*3011*
15	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
16	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan	*4661*
17	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy	*3290*
18	Vận tài hàng hóa đường thủy nội địa	*5022*

3.6.6- Xí nghiệp xây dựng công trình:

Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy.	*5222 (chính)*
2	Xây dựng nhà các loại	*4100*
3	Xây dựng công trình công ích	*4220*
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4290*
5	Phá dỡ	*4311*
6	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
7	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
8	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	*4322*
9	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
10	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
11	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
12	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
13	Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông	*0899*
14	Đóng tàu và kết cấu nổi	*3011*
15	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
16	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan	*4661*
17	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy	*3290*
18	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	*5022*

3.6.7- Xí nghiệp thương mại & dịch vụ:

***Ngành nghề kinh doanh*:**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa đường bộ	*4933*
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
3	Sản xuất và phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá	*3530*
4	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	*1104*
5	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan	*4661*
6	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
7	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	*4322*
8	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
9	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
10	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
11	Sửa chữa máy móc thiết bị	*3312*

3.6.8: Trung tâm tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông:
Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:

3.6.9. Chi nhánh Xí nghiệp quản lý bảo trì đường thủy 401,402:

Vị trí và chức năng

Chi nhánh Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy 401 & 402 là đơn vị trực tiếp sản xuất trực thuộc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại ngân hàng.

Nhiệm vụ Chi nhánh Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy 401 & 402

Trực tiếp thực hiện:

- Công tác duy tu, bảo trì báo hiệu đường thủy nội địa;
- Công tác điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa phục vụ thi công các công trình trên đường thủy nội địa quốc gia;
- Công tác phòng chống bão lũ, chống va trôi, tìm kiếm cứu nạn;
- Thực hiện công tác nghiệm thu, thanh toán nội bộ;
- Quản lý, sử dụng tài sản, phương tiện, thiết bị theo quy định của cục Công ty;
- Xây dựng kế hoạch hoạt động theo tháng, quý, thực hiện chế độ báo cáo đối với Giám đốc Công ty;
- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác Ban lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ.

Phạm vi hoạt động

Chi nhánh Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy 401:

- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên phạm vi tổng số 170 km sông, trong đó: 48 km sông Đuống (từ km 00 đến km 48); 47 km sông Cầu (từ km 58 đến km 104); 19 km sông Công (từ km 00 đến km 19) và 56 km sông Bằng Giang (từ km 00 đến km 56).

- Bao gồm các Trạm Quản lý đường thủy nội địa: Minh Đạo; Kiều Lương; Yên Phong; Đa Phúc; Trạm Cao Bằng.

Chi nhánh Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy 402:

- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên phạm vi tổng số 183 sông, trong đó: 62 km sông Thương (từ km 00 đến km 62); 07 kmsông Thái Bình (từ km 93 đến km 100); 56 km sông Lục Nam (từ km 00 đến km 56) và 58 km sông Cầu (từ 9 km 00 đến km 58);

- Bao gồm các Trạm Quản lý đường thủy nội địa:Bắc Giang; Phả Lại; Lục Nam; Hiền Lương; Quang Châu.

Cơ cấu tổ chức

Văn phòng Chi nhánh:

Gồm chuyên viên Dự án và Kỹ thuật; nhân viên Kế toán thống kê kiêm thủ quỹ, văn phòng.

Các Trạm Quản lý đường thủy nội địa:

Các Trạm Quản lý đường thủy nội địa được sử dụng con dấu riêng, thực hiện chức năng nhiệm vụ theo Trạm;

Các chức danh lãnh đạo thuộc Chi nhánh

Chi nhánh Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy do Giám đốc Chi nhánh trực tiếp lãnh đạo, phó Giám đốc giúp việc.

Trạm Quản lý đường thủy nội địa do Trạm trưởng lãnh đạo, Phó Trạm trưởng giúp việc.

Giám đốc Chi nhánh do Giám đốc Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; phó Giám đốc Chi nhánh, Trạm trưởng, Trạm phó do Giám đốc Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh.

Mối quan hệ công tác giữa Chi nhánh Xí nghiệp với các Trạm Quản lý đường thủy nội địa và các Phòng Ban

Chi nhánh Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy 401 và 402 chủ động giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

Các Trạm Quản lý đường thủy nội địa chịu sự chỉ đạo điều hành của Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp trong phạm vi được quy định tại Quyết định này.

Các Phòng ban có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động công tác của 02 Chi nhánh Xí nghiệp trên.

Chi tiết Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy.

3.7. Các công ty con, công ty liên kết:

a. Các công ty con: Không có

b. Các Công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển:

Tiếp tục duy trì ổn định, kiện toàn tổ chức hoạt động theo mô hình của Công ty cổ phần;

Xây dựng chiến lược, kiện toàn, mô hình tổ chức của Công ty, mục tiêu là đưa các hoạt động của Công ty phát triển mạnh bền vững, đưa các sản phẩm mang thương hiệu của Công ty ra thị trường trên toàn quốc. Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng và ổn định đạt mục tiêu về lợi nhuận đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư;

Công ty tìm ra các giải pháp phát triển bền vững cho thị trường kinh doanh của Công ty, giữ ổn định thị trường.

Bằng nhiều biện pháp tạo điều kiện và có chính sách tốt nhất chăm lo đời sống người lao động, bảo vệ môi trường và tham gia phát triển cộng đồng;

Xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên giỏi về chuyên môn, năng động, sáng tạo, nhạy bén thích ứng yêu cầu đổi mới, có năng lực quản lý để đưa Công ty phát triển ngày một vững mạnh;

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 định hướng hoạt động kinh doanh: Tập trung mọi nguồn lực thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh đã đề ra;

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, hoạch định chính sách, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Bộ máy quản trị điều hành. Trong thời gian tới cần chủ động nâng cao trình độ quản lý, bồi dưỡng và hướng dẫn những kiến thức tối thiểu về kinh tế và kế hoạch cho tất cả cán bộ quản lý, công nhân và người lao động trong Công ty;

Nâng cao năng lực tài chính: Tăng cường tích lũy nội bộ, gia tăng lợi nhuận. Sử dụng nguồn vốn hợp lý, tích cực thu hồi các khoản nợ phải thu nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong kinh doanh, tìm kiếm nhà đầu tư góp vốn, tăng cường năng lực tài chính;

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty: Có chính sách đãi ngộ xứng đáng để xây dựng Công ty với đội ngũ nhân viên chuyên ngiệp, năng động, ứng xử có văn hóa, phục vụ khách hàng tốt nhất để doanh nghiệp phát triển bền vững.

+ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng. Tiếp tục thực hiện và tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, xã hội và cộng đồng.

5. Các rủi ro:

+ Rủi ro kinh tế:

Trước biến động của nền kinh tế nói chung và khó khăn của ngành giao thông vận tải nói riêng. Hội đồng quản trị đã xác định xây dựng chiến lược kinh doanh trên cơ sở tận dụng thế mạnh của doanh nghiệp ngành nghề đặc thù bảo trì và đảm bảo an toàn giao thông. Kinh doanh thương mại xăng dầu đang trên đà khởi sắc.

+ Rủi ro về lạm phát:

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Trong những năm qua, nền kinh tế nước ta chịu ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, vấn đề này ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận và kết quả kinh doanh của Công ty.

+ Rủi ro về lãi suất:

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất thông qua các biện pháp: Kiểm soát chặt công nợ phải thu, tối ưu hóa quay vòng vốn, tăng quay vòng đồng tiền, cơ cấu lại các khoản vay.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hoạt động doanh thu và chi phí của năm 2018 khi chuyển sang công ty cổ phần theo số liệu kiểm toán mốc thời gian từ 01/01/2018 đến 31/12/2018.

Bảng số 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2017-2018

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018(đồng)	% so với năm 2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.360.785.013	122.596.645.308	117,47%
2	Doanh thu thuần	104.360.785.013	122.596.645.308	117,47%
3	Lợi nhuận gộp	12.659.335.424	15.190.017.359	119,99%
4	Lợi nhuận thuần	1.290.176.193	2.774.175.854	215,02%
5	Lợi nhuận khác	(84.745.000)	(940.794.616)	1.110,15%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.205.431.193	1.833.381.238	152,09%
7	Lợi nhuận sau thuế	947.385.954	1.298.071.373	137,01%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 của Công ty)

Trong năm 2018, Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 vượt qua những khó khăn, thách thức, tận dụng cơ hội hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Cụ thể, năm 2018, Doanh thu đặt hàng quản lý bảo trì đường thủy nội địa, các công trình khác và kinh doanh thương mại của Công ty đạt: 122.596.645.308 đồng tăng 7,97% so với kế hoạch năm 2018, lợi nhuận sau thuế đạt 1.298.071.373 đồng tăng 8,17% so với kế hoạch năm 2018, trong đó:

Doanh thu năm 2018	**122.596.645.308**	**đồng**
Trong đó: Quản lý bảo trì đường thủy nội địa	14.978.014.504	đồng
Doanh thu khối ĐTKC đảm bảo GT+ Va trôi	16.848.990.982	đồng
Doanh thu từ khối xây dựng (Cải tạo vỉa hè, thiết bị thể thao)	7.104.026.091	đồng
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu	82.837.735.914	đồng
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh thương mại, đá viên, nước tinh khiết	537.254.181	đồng
Doanh thu từ lĩnh vực khác	290.623.636	đồng

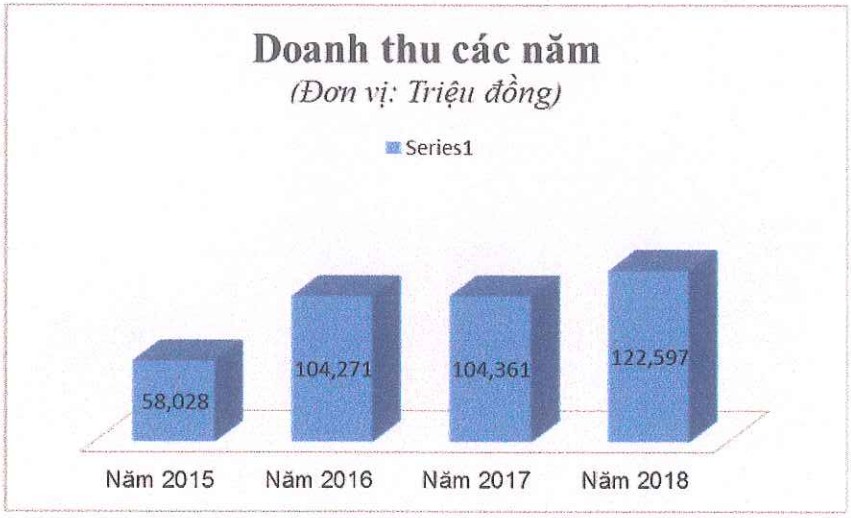

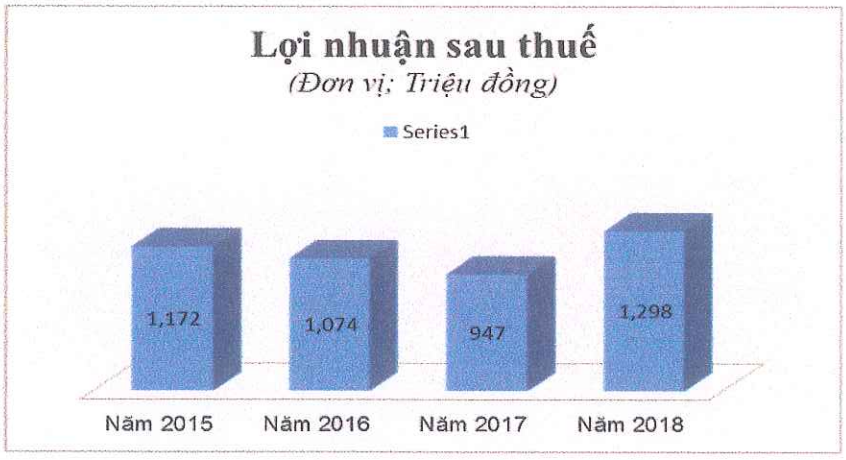

Bảng số 2: Cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2017-2018

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017(đồng)	Năm 2018 (đồng)	% so với năm 2017
1	Doanh thu thuần từ hoạt động SXKD	104.360.785.013	122.573.481.672	117,47%
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	2.656.889	7.694.472	289,6%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 của Công ty)

- **Cơ cấu chi phí**

Bảng số 3: Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2017-2018

TT	Năm 2017 (đồng)	Tỷ trọng so với tổng doanh thu 2017 (%)	Năm 2018(đồng)	Tỷ trọng so với tổng doanh thu 2018 (%)
Giá vốn hàng bán	91.701.449.589	87,87%	107.406.627.949	87,61%
Chi phí tài chính	1.168.923.647	1,12%	1.973.640.077	1,61%
Chi phí bán hàng	4.712.254.721	4,52%	4.589.187.975	3,74%
Chi phí QLQLDN	5.490.637.752	5,26%	5.860.707.925	4,78%
Chi phí khác	84.745.000	0,08%	1.390.794.616	1,13%
Tổng chi phí	**103.158.010.709**	**98,85%**	**121.220.958.542**	**98,88%**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 của Công ty)

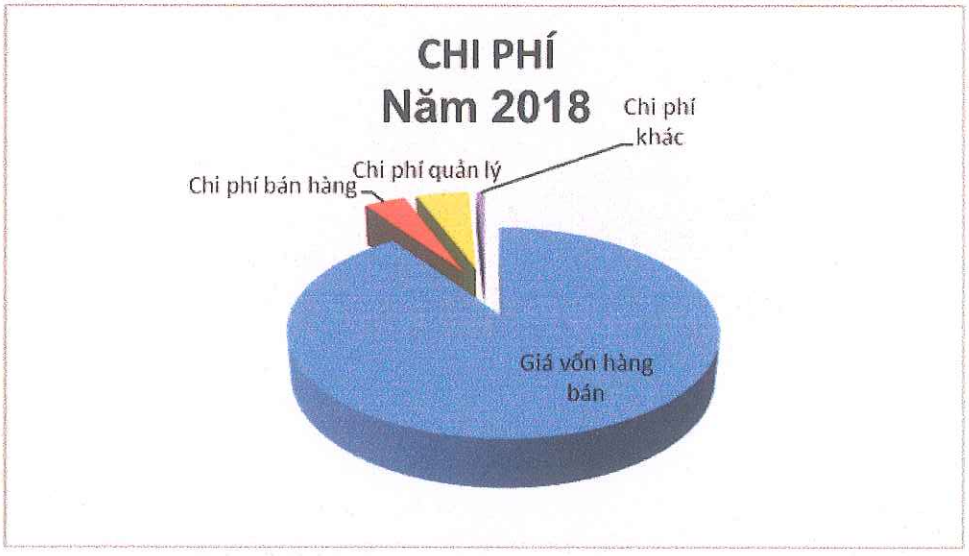

Với việc tăng trưởng 17,47% về doanh thu năm 2018 so với năm 2017, thì tổng chi phí trong năm 2018 cũng có sự gia tăng từ 103.158.010.709 đồng năm 2017 lên 121.220.958.542 đồng năm 2018. Chi phí tăng 0,03% so với năm 2017 nguyên nhân năm 2018 chi phí tài chính của Công ty tăng do khoản lãi tiền vay năm 2018: 1.973.640.077 đồng so với năm 2017: 1.168.923.647 đồng.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh so với kế hoạch năm 2018:

Bảng số 4: Kết quả hoạt động SXKD so với kế hoạch năm 2018

TT	Kế hoạch năm 2018 (đồng)	Thực hiện năm 2018 (đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng doanh thu	**113.542.000.000**	**122.573.481.672**	**107,95%**
Doanh thu từ QLBT, ĐTKC đảm bảo giao thông, ĐT chống va trôi và doanh thu khác	39.282.000.000	39.198.491.577	99,79%
Doanh thu từ hoạt động thương mại	74.260.000.000	83.374.990.095	112,27%
Lợi nhuận trước thuế	1.500.000.000	1.833.381.238	122,23%
Lợi nhuận sau thuế	1.200.000.000	1.298.071.373	108,17%
Chi trả cổ tức (NQ ĐHĐCĐ 2017)	8%	8%	100%
Dự kiến thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.400.000	5.900.000	109,25%

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban Giám đốc điều hành:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ CM	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Phạm Hồng Minh	1982	Giám đốc	CN kinh tế	4,07%
2	Nguyễn Phi Trường	1966	Phó Giám đốc	CN kinh tế	3,08%
3	Trần Văn Ơn	1970	Phó Giám đốc	CN kinh tế	3,85%
4	Trịnh Đình Kiêm	1969	Phó Giám đốc	Kỹ sư CTT	3,46%

Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Giám đốc điều hành:

1. Phạm Hồng Minh – Giám đốc:

Họ và tên	**PHẠM HỒNG MINH**
- Số CMND	125043047 cấp ngày 04/06/2012 tại Công an Bắc Ninh
- Ngày sinh	06/08/1982
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Thôn Lai Hạ, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh
- Đại chỉ hiện tại	Thôn Lai Hạ, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T5/2006-T9/2009	Nhân viên phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T9/2009-T5/2011	Phó phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T6/2011-T9/2011	Phụ trách phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T9/2011-T2/2015	Kế toán trưởng Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
23/3/2015-25/4/2016	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
25/4/2016 đến nay	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
- Số lượng cổ phần sở hữu	47.200 cổ phần chiếm 4,07% vốn Điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	147.900 cổ phần chiếm 12,75% Vốn Điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

2. Nguyễn Phi Trường - Phó Giám đốc

Họ và tên	**NGUYỄN PHI TRƯỜNG**
- Số CMND	125008914 cấp ngày 16/10/2010 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp
- Ngày sinh	06/6/1966
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu Yên Mẫn – Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Đại chỉ hiện tại	Khu Yên Mẫn – Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T11/1992-T10/2000	Nhân viên Phòng Kế toán – Tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T11/2000-T12/2000	Phó phòng Kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T01/2001-T10/2006	Trưởng phòng Kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T11/2006-T12/2012	Kế toán trưởng Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T2/2012-T2/2015	Phó Giám đốc Đoạn quản lý đường thủy NĐ số 4
T3/2015 đến nay	Phó Giám đốc - Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4
- Chức vụ hiện nay	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc; Thường vụ - Đảng ủy Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
- Số lượng cổ phần sở hữu	35.700 cổ phần chiếm 3,08% vốn Điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	147.900 cổ phần chiếm 12,75% Vốn Điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

– **3. Trần Văn Ơn – Phó Giám đốc**

Họ và tên	**TRẦN VĂN ƠN**
- Số CMND	125197402 cấp ngày 06/09/2002 tại Công an Bắc Ninh
- Ngày sinh	09/01/1970
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu 2 – Phường Đại Phúc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.
- Đại chỉ hiện tại	Khu 2 – Phường Đại Phúc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T9/1992-T11/2002	Công nhân các trạm quản lý đường sông: Minh Đạo; Bắc Giang; Hòa Long – Đoạn QLĐS số 4
T12/2002-T12/2003	Trạm phó phụ trách Trạm quản lý đường sông Bố Hạ - Đoạn QLĐS số 4
T01/2003-T7/2004	Trạm trưởng Trạm QLĐS Bố Hạ - Đoạn QLĐS số 4
T8/2004-T6/2013	Phó phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐS số 4;
T7/2003-T12/2005	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Đoạn QLĐTNĐ số 4
T3/2015 – 05/02/2017	Ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Kinh doanh – Dự án Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;
06/02/2017 đến nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
- Chức vụ hiện nay	Phó Giám đốc; Bí thư chi bộ Văn phòng I; Chủ tịch Hội cựu chiến binh Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
- Số lượng cổ phần sở hữu	44.700 cổ phần chiếm 3,85% Vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

4.Trịnh Đình Kiêm - Phó Giám đốc	
Họ và tên	**TRỊNH ĐÌNH KIÊM**
- Số CMND	125583666 cấp ngày 10/6/2010 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp
- Ngày sinh	12/9/1969
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Phố Vũ – Tuyên Hoàng – Gia Bình – Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Phố Vũ – Tuyên Hoàng – Gia Bình – Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công trình thủy
- Quá trình công tác	
T5/1992-T10/2004	Trạm QLĐTNĐ Minh Đạo
T10/2004-T12/2004	Trạm QLĐTNĐ Kiều Lương
T12/2004-T12-2006	Chuyên viên phòng Kỹ thuật – Đoạn QLĐTNĐ số 4
T12/2006-T2/2015	Đội trưởng Đội Công trình – Đoạn QLĐTNĐ số 4
T3/2015 đến 05/02/2017	Thành viên ban kiểm soát – Giám đốc xí nghiệp thương mại cơ khí công trình – Công ty CPQLBTĐTNĐ số 4
Từ 06/02/2017 đến nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4 Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn; Bí thư Chi bộ xây dựng công trình.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	40.100 cổ phần chiếm 3,46% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Chính sách đào tạo:

Công ty rất chú trọng vào lĩnh vực đầu tư nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công nhân viên tham gia các lớp đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo lại lực lượng lao động. Kế hoạch đào tạo hàng năm căn cứ vào yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Nội dung đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế

của đơn vị. Căn cứ vào nhu cầu sản xuất kinh doanh Công ty sẽ tuyển dụng lao động phù hợp;

Chính sách lương thưởng, trợ cấp:

Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng phù hợp nhằm nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên. Lương của người lao động được trả theo quy chế trả lương của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành. Năm 2018 Công ty trả lương theo quyết định số 07/QĐ-HĐQT-ĐT4 ngày 12/01/2018 do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành về việc Ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng và chế độ đối với người lao động tại Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

+ Trả lương theo thời gian đối với cán bộ, nhân viên nghiệp vụ, Văn phòng theo chức năng nhiệm vụ được giao và mức độ hoàn thành công việc trong tháng.

+ Trả lương khoán cho các khối kinh doanh xăng dầu, các Trạm quản lý bảo trì đường thủy nội địa và các công trình khác.

+ Thưởng nhân dịp lễ, tết trong năm.

Tổng số lao động bình quân năm 2018 là: 207 người
Thu nhập bình quân: 5.900.000 đồng/người/tháng

3. Tình hình đầu tư,thực hiện các dự án

a) **Các khoản đầu tư lớn:**

Năm 2018 Công ty triển khai đầu tư 01 xe ô tô 7 chỗ và 01 xuồng cao tốc phục vụ công tác điều tiết khống chế đảm bảo an toàn giao thông với giá trị tài sản : 1.460.800.000 đồng, cụ thể như sau :

+ Xuồng cao tốc	239.495.000	đồng
+ Ô tô 7 chỗ	1.221.305.000	đồng

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Bảng số 5: Tình hình tài chính Công ty năm 2017-2018

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2018 (VNĐ)	% tăng, giảm năm 2018 so với năm 2017
1	Tổng tài sản	49.603.394.076	54.239.216.424	109,35%
2	Doanh thu thuần	104.360.785.013	122.596.645.308	117,47%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.290.176.193	2.774.175.854	215,02%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.205.431.193	1.833.381.238	152,09%
5	Lợi nhuận sau thuế	947.395.954	1.298.071.373	137,01%
6	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	7,5%	8%	106,67%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2017, năm 2018 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Bảng số 6: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1	1,01
Khả năng thanh toán nhanh (=(TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	Lần	0,9	0.89
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	0,74	0,76
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	2,88	3,12
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	26,58	26,49
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng TS)	Vòng	0,25	0,29
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,91%	1,06%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,41%	9,86%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,91%	2,39%
Hệ số lợi nhuận từ hoat động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,24%	2,26%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2017, năm 2018 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 1.160.000 cổ phần
- Loại cổ phần: phổ thông
- Tổng giá trị theo mệnh giá: 11.600.000.000 đồng *(Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn)*
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 180.300 cổ phần.

c) **Cơ cấu cổ đông:**

Bảng số 7: Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1.Cổ đông trong nước	**128**	**1.160.000**	**11.600.000.000**	**100%**
1.1.Tổ chức				
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	1	591.600	5.916.000.000	51%
Công ty TNHH ứng dụng công nghệ Việt Nhật	1	81.200	812.000.000	7%
1.2.Cổ đông cá nhân	126	487.200	4.872.000.000	42%
2.Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
3.Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
Tổng cộng	**128**	**1.160.000**	**11.600.000.000**	**100%**

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4 đến 31/12/2018)

Bảng số 8: Danh sách cổ đông nắm giữ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2018

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1.Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Tầng 23, tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.	591.600	5.916.000.000	51%
2.Công ty TNHH ứng dụng công nghệ Việt Nhật	Số 18- Ngõ 251 Phường Kim Mã – Quận Ba Đình – TP Hà Nội.	81.200	812.000.000	7%
3.Dương Hải Thanh	Chủ tịch HĐQT Công ty CP QLBT ĐTNĐ số 4	60.800	608.000.000	5,24%
Tổng cộng		**733.600**	**7.336.000.000**	**63,24%**

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4 đến 31/12/2018)

d) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

e) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

f) Các chứng khoán khác: Không có

6. **Chính sách liên quan đến người lao động:**

a) ***Số lượng lao động, mức lao động trung bình đối với người lao động:***

Số lượng lao động bình quân : 281 người

Về chính sách phân phối tiền lương năm 2018; căn cứ vào quy chế trả lương của Công ty số 07/QĐ-HĐQT-ĐT4 do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành 12/01/2018 được áp dụng từ ngày 01/01/2018 về việc ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng và chế độ đối với người lao động tại Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4; quy định phân phối tiền lương tại các xí nghiệp,Trạm quản lý bảo trì đường thủy nội địa đảm bảo tính dân chủ, công khai đến từng người lao động.

Mức lương bình quân năm 2018: 5.900.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ khen thưởng phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Cán bộ công nhân viên được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc, đối với lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện an toàn bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

Công tác môi trường, phòng chống cháy nổ, thiết bị nghiêm ngặt về an toàn và các quy định về công tác an toàn cho người lao động được huấn luyện theo quy định đồng thời kiểm tra giám sát thường xuyên.

Năm 2018, tổ chức 02 đoàn tham quan nghỉ mát tại Nha Trang – Đà Lạt và MaLaysia – Singapore cho 54 cán bộ công nhân viên.

Công ty đã lo đầy đủ về tinh thần và vật chất trong các ngày lễ, tết trong năm mức : 700.000 đ/người/ngày lễ.

b) ***Hoạt động đào tạo người lao động***:

Tháng 8 năm 2018 Công ty phối kết hợp với Trung tâm đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ GTVT mở lớp sơ cấp quản lý công trình đường thủy cho 24 cán bộ công nhân viên; Đào tạo nâng hạng: 154 thuyền trưởng hạng 3 sang điều khiển tốc độ cao; Đào tạo nâng hạng: Hạng 3 lên hạng 1 là 03 người.

6.1- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty thường xuyên quan tâm đến công tác khuyến học, năm 2018 Công ty đã khen thưởng cho các cháu đạt thành tích học sinh giỏi các cấp và các cháu thi đỗ Đại học với tổng số tiền: 19.550.000 đồng.

Công ty đóng góp đầy đủ các quỹ xã hội từ thiện, quỹ nhân đạo, ủng hộ chất độc da cam, vì người nghèo, khuyến học, đền ơn đáp nghĩa, tổng số tiền: 19.340.000 đồng.

6.2- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1.Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Khó khăn:

Bước vào năm Doanh thu quản lý bảo trì đường thủy nội địa năm 2018 sụt giảm mạnh gây nên không ít khó khăn về đời sống, việc làm an sinh cho người lao động.

1.2. Thuận lợi:

Trước những khó khăn trên công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ mô hình quản lý hành chính sự nghiệp sang Công ty cổ phần đã chuyển mạnh mẽ, bước đầu đạt được kết quả trong hoạt động kinh doanh và gia nhập vào những lĩnh vực mới nhiều tiềm năng. Bằng chiến lược kinh doanh được Ban lãnh đạo Công ty chủ động sáng tạo, đoàn kết, hoạch định phù hợp với tình hình thực tế đã đạt được các kết quả khả quan trong hoạt động kinh doanh năm 2018 – thể hiện qua các con số sau (Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán).

1.3. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh;

Năm 2018, Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 đã đạt mức doanh thu thuần là 122.596.645.308 đồng, tăng 17,47% so với năm 2017, mức tăng doanh thu chủ yếu nhờ vào tăng nguồn thu từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty như : Quản lý bảo trì đường thủy nội địa, điều tiết khống chế đảm bảo an toàn giao thông các công trình trên tuyến Công ty quản lý, hoạt động kinh doanh xăng dầu.

Công ty duy trì tổ chức thực hiện quản lý chất lượng ISO 9001-2008 cấp ngày 14/7/2016 được gia hạn đến ngày 27/12/2021; trực tiếp tham gia chăm sóc

khách hàng sau bán hàng để ghi nhận những hạn chế trong quá trình bán hàng và chủ động đề suất bổ sung cho phù hợp.

Lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt được là: 1.298.071.373 đồng.

Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế:

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Số dư ngày 1/1/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp ngày 31/12/2018
Thuế Giá trị gia tăng	3.178.206.346	3.146.176.842	4.101.164.740	2.223.218.448
Thuế Thu nhập DN	322.979.888	535.309.865	378.961.351	479.328.402
Thuế Xuất nhập khẩu		30.092.027	30.092.027	
Thuế Thu nhập CN		20.941.953	20.941.953	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		111.147.000	111.147.000	
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác		10.000.000	10.000.000	
Cộng	**3.501.186.234**	**3.853.667.687**	**4.652.307.071**	**2.702.546.850**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2017, năm 2018 của Công ty)

Thu nhập cho cổ đông:

Trên cơ sở số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM, toàn bộ lãi sau thuế năm 2018 của Công ty là 1.298.071.373 đồng. Lãi cơ bản trên một cổ phiếu của năm 2018 là: 931 đồng.

+ Theo Nghị quyết số 232/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2018 dự kiến chia cổ tức tỷ lệ 8%/cổ phần (800 đồng/cổ phần); Hình thức chi trả: Chuyển khoản. 928.000.000 đồng

Số còn lại trích quỹ:

+ Quỹ đầu tư phát triển 60.000.000 đồng
+ Quỹ Phúc lợi 120.071.373 đồng
+ Quỹ khen thưởng 190.000.000 đồng

Nhận xét chung:

Ưu điểm:

Lãnh đạo Công ty đã lãnh đạo thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018, thực hiện tốt công tác quản trị chi phí bảo toàn vốn và lợi nhuận, các khoản giao nộp Nhà nước và cấp trên theo quy định.

Tinh thần đoàn kết kỷ luật, sản xuất kinh doanh hoàn thành các chỉ tiêu chính đề ra đời sống tinh thần vật chất người lao động được cải thiện, thu nhập ổn định.

Những tồn tại cần khắc phục:

Cần chủ động công tác đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng những tiến bộ kỹ thuật mới và thiết bị mới đầu tư để nâng cao uy tín của Công ty trong giai đoạn hội nhập kinh tế hiện nay.

2.Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Thực trạng về tài sản cố định theo số liệu báo cáo kiểm toán tại thời điểm kết thúc ngày 31/12/2018 tổng tài sản của Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 như sau:

Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018

Tài sản	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	Thay đổi 2018 so với 2017 (%)
A. Tài sản ngắn hạn	**35.824.657.997**	**40.282.389.735**	**112,44%**
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	241.068.992	2.239.459.617	928,97%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	31.969.632.004	33.547.254.230	104,93%
IV. Hàng tồn kho	3.613.957.001	4.495.675.888	124,4%
V.Tài sản ngắn hạn khác			
B. Tài sản dài hạn	**13.778.736.079**	**13.956.826.689**	**107,28%**
II. Tài sản cố định	12.909.686.902	12.993.699.281	100,65%
IV.Tài sản dở dang dài hạn	99.800.000		
VI.Tài sản dài hạn khác	769.249.177	963.127.408	125,2%
Tổng cộng tài sản	**49.603.394.076**	**54.239.216.424**	**111,07%**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017,2018 của CTCP QLBT ĐTNĐ số 4)

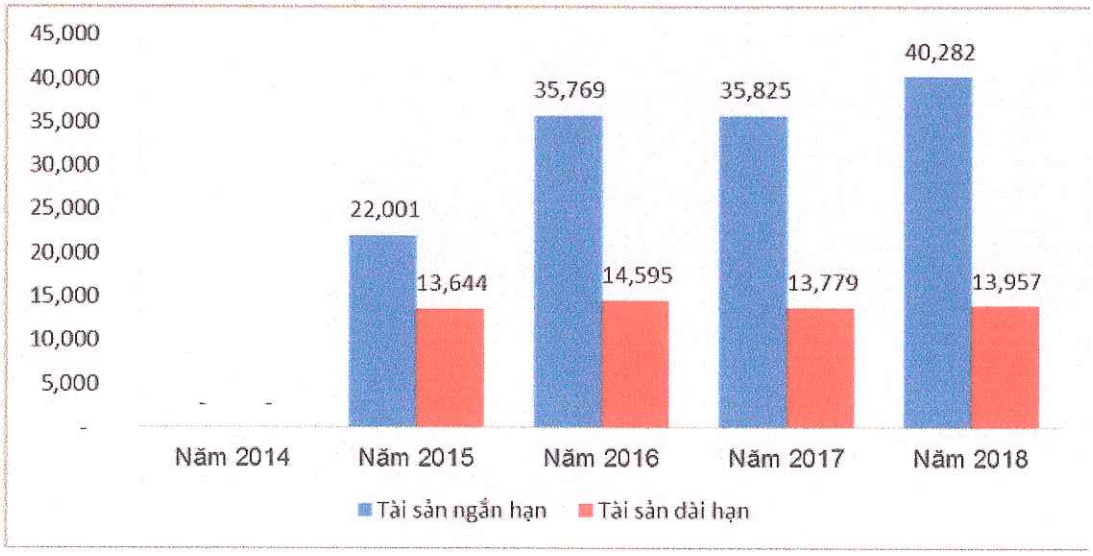

Bảng số 10: Tình hình tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018

ĐVT: VND

Hạng mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện VT truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
Nguyên giá					
Số dư tại 01/01/2018	**9.580.820.903**	**1.655.901.870**	**20.003.413.746**	**46.000.000**	**31.286.136.519**
Tăng trong năm	**1.083.807.450**		**1.460.800.000**		**2.544.607.450**
Mua trong năm	1.083.807.450		1.460.800.000		2.544.607.450
Giảm trong năm			640.981.818		640.981.818
Số dư tại 31/12/2018	**10.664.628.353**	**1.655.901.870**	**20.823.231.928**	**46.000.000**	**33.189.762.151**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại 01/01/2018	**2.775.762.285**	**538.665.663**	**15.029.968.872**	**32.052.797**	**18.376.449.617**
Tăng trong năm	**746.079.934**	**150.046.932**	**1.001.582.195**	**6.405.372**	**1.901.114.433**
Khấu hao trong năm	743.079.934	150.046.932	1.001.582.195	6.405.372	1.901.114.433
Giảm trong năm			**81.501.180**		**81.501.180**
Thanh lý, nhượng bán			81.501.180		81.501.180
Số dư tại 31/12/2018	**3.518.842.219**	**668.712.595**	**16.031.551.067**	**38.458.169**	**20.196.062.870**
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2018	6.805.058.618	1.117.236.207	4.973.444.874	13.947.203	12.909.686.902
Tại 31/12/2018	**7.145.786.134**	**967.189.275**	**4.873.182.041**	**7.541.831**	**12.993.699.281**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017,2018 của CTCP QLBT ĐTNĐ số 4)

b) Tình hình nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2018:

Bảng số 11: Tình hình nợ phải trả của Công ty 2017-2018

ĐVT: VND

Tài sản	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018(đồng)	Thay đổi 2018 so với 2017 (%)
C. Nợ phải trả	**36.825.014.879**	**41.074.145.051**	**111,54%**
I.Nợ ngắn hạn	**35.759.848.879**	**40.042.168.493**	**111,98%**
1.Phải trả người bán ngắn hạn	3.320.915.943	2.442.187.283	73,54%
2.Người mua trả tiền trước ngắn hạn	584.878.394	5.542.209.226	947,58%
3.Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.501.186.234	2.702.546.850	77,19%
4.Phải trả người lao động			
9.Phải trả ngắn hạn khác	12.626.458.308	12.956.885.937	102,62%
10.Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15.727.400.000	16.359.960.000	104,02%
12.Quỹ khen thưởng phúc lợi		38.379.197	
II.Nợ dài hạn	**1.065.166.000**	**1.031.976.558**	**96,88%**
8.Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.065.166.000	1.031.976.558	96,88%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017,2018 của CTCP QLBT ĐTNĐ số 4)

c) Tình hình nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2018:

Bảng số 11: Tình hình nợ phải thu của Công ty 2017-2018

ĐVT: VND

Tài sản	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	Thay đổi 2018 so với 2017 (%)
Nợ phải thu	**31.969.632.004**	**33.547.254.230**	**104,93%**
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23.476.758.289	25.329.249.373	107,89%
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	885.384.512	661.840.012	74,75%
6.Phải thu ngắn hạn khác	7.607.489.203	7.556.164.845	99,33%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017,2018 của CTCP QLBT ĐTNĐ số 4)

1. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Từng bước tổ chức lại doanh nghiệp, phân định rõ ràng trách nhiệm của từng bộ phận, phòng ban tạo điều kiện phát huy năng lực của từng cá nhân và tập thể. Tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong công tác quản lý.

2. **Kế hoạch phát triển trong tương lai**:

Trong giai đoạn hiện nay hoạt động sản xuất kinh của Công ty gặp nhiều khó khăn, doanh thu quản lý bảo trì giảm mạnh, cạnh tranh cùng ngành nghề diễn ra gay gắt, sức ép chi phí tiền lương và an sinh xã hội rất lớn.

Công tác đấu thầu các gói bảo trì đường thủy nội địa, điều tiết khống chế đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa năm 2018 đảm bảo tiến độ đề ra.

Cán bộ công nhân viên toàn Công ty đoàn kết tin tưởng vào sợ lãnh đạo của Ban lãnh đạo Công ty, định hướng mục tiêu cụ thể của Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trong quá trình chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

4.1. Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu năm 2019

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

ĐVT: VND

1. Tổng Doanh thu ước đạt	**129.595.000.000**	đồng
Trong đó:		
+ Doanh thu từ khối quản lý bảo trì	15.280.000.000	đồng
+ Doanh thu từ khối ĐTKC ĐBATGT+ Va trôi	18.481.000.000	đồng
+ Doanh thu từ khối thương mại xăng dầu	85.834.000.000	đồng
+ Doanh thu từ khối xây dựng	10.000.000.000	đồng
+ Doanh thu từ lĩnh vực khác		đồng
2. Lợi nhuận trước thuế ước đạt	**1.950.000.000**	đồng
3. Lợi nhuận sau thuế ước đạt	**1.400.000.000**	đồng
+ Cổ tức : Dự kiến chia cổ tức năm 2019 tỷ lệ 8,5%/cổ phần (850 đồng/cổ phần), tổng số tiền:	986.000.000	đồng
+ Hình thức thanh toán: Chuyển khoản		
+ Số còn lại trích các quỹ: + Đầu tư phát triển	70.000.000	đồng
+ Quỹ phúc lợi	134.000.000	đồng
+ Quỹ khen thưởng	210.000.000	đồng
5. Thu nhập bình quân người lao động	**5.900.000**	đ/người/tháng

4.2. Các biện pháp để hoàn thành kế hoạch:

Một là: Tranh thủ sự ủng hộ của cơ quan chức năng đặc biệt là Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh, Bắc Giang tạo điều kiện hỗ trợ Công ty về cơ chế, chính sách, đặt hàng, chỉ định thêm các công trình trên địa bàn tuyến.

Hai là: Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, Hội đồng quản trị trú trọng nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp coi đó là nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng thương hiệu doanh nghiệp vươn nên tầm cao mới gia tăng sức cạnh tranh trong nền kinh tế mở, cụ thể ban lãnh đạo đưa ra giải pháp:

Áp dụng quy trình ISO quản lý chất lượng trong công tác điều hành, hoạt động của Công ty. Năm 2015, Công ty đã triển khai hợp đồng với Trung tâm chứng nhận phù hợp QUACERT tư vấn TCVN ISO 9001-2008 ban hành quy trình quản lý chất lượng, ban hành quy chế quản trị nội bộ mang tính chuyên sâu và theo sát các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước. Ngày 14/7/2016 Công ty đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp (QUACERT) – Tổng Cục đo lường chất lượng cấp Quyết định số 4060/QĐ-QUACERT về việc cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 trong lĩnh vực hoạt động : Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa (Giấy chứng nhận số : HT 3693.16.34

Hiệu lực đến 27/12/2021

Ngày cấp giấy chứng nhận lần đầu: 14/7/2016

Tiếp tục đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động

Ban lãnh đạo Công ty xây dựng nhân tố con người là nhân tố quyết định trong sự phát triển của doanh nghiệp. Công ty đã và đang cử cán bộ, người lao động đi đào tạo mới và đào tạo lại với kỳ vọng lực lượng lao động của Công ty sẽ tham gia vào thị trường lao động ngày càng sôi động của địa phương.

Ba là: Phát huy tính chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của mọi người lao động, đặc biệt là bộ phận quản lý công ty, người đứng đầu các bộ phận, tăng cường đoàn kết trong nội bộ đơn vị, tăng cường hơn nữa sự đồng thuận, đoàn kết của cán bộ công nhân viên chung sức, đóng góp về trí tuệ, vốn, công sức góp phần xây dựng đơn vị phát triển qua giai đoạn khởi nghiệp khó khăn.

Bốn là: Tái cơ cấu dây truyền, quy mô các bộ phận sản xuất để phù hợp với tỷ trọng doanh thu, chi phí giữa các lĩnh vực kinh doanh. Duy trì quy mô lĩnh vực thương mại cũ là dầu diezen đã được triển khai và bước đầu cho thấy kết quả khả quan.

Năm là: Phục vụ cho việc tăng đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, công ty trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cho chủ trương tăng huy động vốn bằng biện pháp kết hợp hai hình thức huy động vốn tại chỗ từ cán bộ công nhân viên trong Công ty và huy động vốn qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Ban Lãnh đạo Công ty xem xét cân nhắc tính hiệu quả của từng phương án đưa ra tỷ trọng của các hình thức huy động vốn trên một cách hợp lý.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty ngày càng cải thiện các hoạt động cung cấp dịch vụ đảm bảo chỉ tiêu môi trường hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn cho phép.

b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động:*

Công tác đời sống xã hội, phong trào công nhân viên chức có tiến bộ, vượt qua mọi khó khăn, lao động sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

c) ***Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:***

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội từ thiện, ủng hộ quỹ chất độc da cam, quỹ đền ơn đáp nghĩa, phòng chống thiên tai, ủng hộ đồng bào miền trung...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2018 là năm thứ 4 Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, vượt qua những khó khăn, thách thức của nền kinh tế, với kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được cùng với những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, sự đoàn kết, năng động trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã khắc phục những tồn tại, tìm ra những giải pháp phù hợp lãnh đạo Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018.

Dù gặp nhiều khó khăn thách thức đối với ngành đường thủy nội địa, Công ty chủ động trong lựa chọn trong cung ứng nguyên nhiên vật liệu, vật tư, thiết bị; huy động cân đối nguồn vốn; đào tạo nâng cao trình độ người lao động; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong lựa chọn, sử dụng cán bộ để phát huy năng lực, sáng kiến cải tiến, tiết kiệm của cá nhân, tập thể người lao động; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa các hoạt động dịch vụ, đẩy mạnh công tác quảng bá bán hàng nên kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đạt kết quả khả quan.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT;

Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời, cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

Chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.

Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của cán bộ công nhân viên để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Công ty, có biện pháp chỉ đạo kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.

Chấp hành tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Tình hình kinh tế 2018, dự báo 2019 và các năm tiếp theo vẫn còn nhiều khó khăn do những tồn tại của nhiều năm trước, công tác quản lý bảo trì đường thủy nội địa sụt giảm mạnh gây nên những khó khăn cho Công ty trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trước những khó khăn cấp bách hiện nay, Hội đồng quản trị đã đưa ra những giải pháp chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Chủ động chuẩn bị các nguồn vốn cho sản xuất và đời sống người lao động;

Tiếp tục ổn định bán lẻ xăng dầu, thực hiện đa dạng hóa các hoạt động thương mại dịch vụ, tiếp cận các dự án của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam để xúc tiến công tác đấu thầu và xin chỉ định thầu nhằm giải quyết công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.

Tăng cường công tác tiếp thị, đặc biệt trong lĩnh vực bán hàng và thương mại dịch vụ, mở rộng thị trường.

Chủ động, phát huy tối đa tiềm năng các nguồn lực : lao động, thiết bị và cơ sở vật chất sắc có hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019.

V- Công tác quản trị công ty:

1.Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị

Bảng số 12: Danh sách thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền BQ
1	Dương Hải Thanh	1968	Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	5,24%
2	Phạm Hồng Minh	1982	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	4,07%
3	Nguyễn Phi Trường	1966	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	3,08%
4	Phạm Văn Hanh	1971	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	2,41%
5	Nguyễn Văn Tặng	1970	Thành viên HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	3,46%

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

1. Dương Hải Thanh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên	**DƯƠNG HẢI THANH**
Số CMND:	012899067 cấp ngày 19/03/2012 tại Công an Hà Nội
Ngày sinh:	04/04/1968
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Nhà 17 ngách 379/34 Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội
Địa chỉ hiện tại:	Nhà 17 ngách 379/34 Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư công trình thủy, Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
T1/1990-T3/1993	Cán bộ kỹ thuật Đoạn QLĐTNĐ số 4
T4/1993-T11/1997	Phó Trưởng phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐTNĐ số 4
T12/1997-T8/2004	Trưởng phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐTNĐ số 4
T9/2004-T4/2011	Phó trưởng phòng kế hoạch đầu tư; Tổ chức cán bộ; Quản lý phương tiện và thuyền viên; Quản lý hạ tầng Cục Đường thúy nội địa Việt Nam;
T5/2011-T2/2015	Giám đốc Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T3/2015 –T4/2016	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	60.800 cổ phần chiếm 5,24% tổng vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	295.800 cổ phần chiếm 25,5% tổng vốn Điều lệ
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đến Công ty	Không

2. Phạm Hồng Minh - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	**PHẠM HỒNG MINH**
- Số CMND	125043047 cấp ngày 04/06/2012 tại Công an Bắc Ninh
- Ngày sinh	06/08/1982
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	T.Lai Hạ, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, T. Bắc Ninh
- Đại chỉ hiện tại	T.Lai Hạ, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, T. Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T5/2006-T9/2009	Nhân viên phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T9/2009-T5/2011	Phó phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T6/2011-T9/2011	Phụ trách phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T9/2011-T2/2015	Kế toán trưởng Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
23/3/2015-25/4/2016	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
25/4/2016 đến nay	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4, Đảng ủy viên
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
- Số lượng cổ phần sở hữu	47.200 cổ phần chiếm 4,07% vốn Điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	147.900 cổ phần chiếm 12,75% Vốn Điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

3. Nguyễn Phi Trường	Ủy viên Hội đồng quản trị
Họ và tên	**NGUYỄN PHI TRƯỜNG**
- Số CMND	125008914 cấp ngày 16/10/2010 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp
- Ngày sinh	06/6/1966
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu Yên Mẫn – Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Đại chỉ hiện tại	Khu Yên Mẫn – Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T11/1992-T10/2000	Nhân viên Phòng Kế toán – Tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T11/2000-T12/2000	Phó phòng Kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T01/2001-T10/2006	Trưởng phòng Kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T11/2006-T12/2012	Kế toán trưởng Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T2/2012-T2/2015	Phó Giám đốc Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T3/2015 đến nay	Phó Giám đốc - Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4
Chức vụ hiện nay	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc; Thường vụ Đảng ủy Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	35.700 cổ phần chiếm 3,08% vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	147.900 cổ phần chiếm 12,75% Vốn Điều lệ
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

4.Phạm Văn Hanh Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	**PHẠM VĂN HANH**
- Số CMND	121375526 cấp ngày 12/6/2010 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp
- Ngày sinh	20/11/1971
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công trình thủy
- Quá trình công tác	
T12/2002-T4/2007	Trạm QLĐTNĐ Bố Hạ - Đoạn QLĐTNĐ số 4
T4/2007-T10/2009	Trạm Phó Trạm QLĐTNĐ Bố Hạ - Đoạn QLĐTNĐ số 4
T10/2009-T2/2011	Phó trạm trưởng phụ trách Trạm QLĐTNĐ Bố Hạ - Bí thư chi bộ sản xuất I -Đoạn QLĐTNĐ số 4
T2/2011-T9/2011	Phó trưởng phòng TCHC – Đảng ủy viên Đoạn QLĐTNĐ số 4
T9/2011-T2/2015	Đảng ủy viên – Bí thư chi bộ Văn phòng II, Trưởng phòng TCHC Đoạn QLĐTNĐ số 4
T3/2015 đến 23/04/2017	Trưởng ban kiểm soát – Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
24/4/2017 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị – Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ Công ty hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị; Phó Bí thư Đảng bộ; Trưởng phòng TCHC; Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	28.000 cổ phần chiếm 2,41% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

5 . Nguyễn Văn Tặng	- Ủy viên Hội đồng quản trị
Họ và tên	**NGUYỄN VĂN TẶNG**
- Số CMND	125686319 cấp ngày 03/5/2002 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp
- Ngày sinh	03/05/1970
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu tập thể đường sông – Phúc Sơn – Vũ Ninh – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Đại chỉ hiện tại	Khu tập thể đường sông – Phúc Sơn – Vũ Ninh – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Công trình thủy
- Quá trình công tác	
T9/1992-T12/1992	Đội Khảo sát – Đoạn QLĐS số 4
T1/1993-T12/1993	Trạm QLĐS Minh Đạo – Đoạn QLĐS số 4
T1/1994-T1/2004	Phòng Kỹ thuật – Đoạn QLĐS số 4
T2/2004-T3/2007	Phó phòng kỹ thuật – Đoạn QLĐTNĐ số 4
T4/2007-T2/2005	Trưởng phòng kỹ thuật – Đoạn QLĐTNĐ số 4
T3/2015 đến 22/2/2018	Thành viên HĐQT – Trưởng phòng kỹ thuật Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
23/2/2018 đến nay	Thành viên HĐQT – Trưởng Kinh doanh dự án 1 Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ Công ty hiện nay tại Công ty	Ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Kinh doanh dự án 1 Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	40.100 cổ phần chiếm 3,46% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

b)Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận để đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị luôn cập nhật tình hình hoạt động cảu Công ty thông qua báo cáo của Ban Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao.

Thực hiện Nghị quyết số 232/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2018 Nghị quyết Đại hội đồng cổ Đông thường niên năm 2018 về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 HĐQT đã lãnh đạo bám sát Điều lệ tổ chức, hoạt động.

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 Hội đồng quản trị tổ chức 05 cuộc họp và 06 lấy ý kiến bằng văn bản với nội dung chủ yếu sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Dương Hải Thanh	Chủ tịch HĐQT	05	100%	
2	Phạm Hồng Minh	UV HĐQT – Giám đốc	05	100%	
3	Nguyễn Phi Trường	UV HĐQT	05	100%	
4	Phạm Văn Hanh	UV HĐQT	05	100%	
5	Nguyễn Văn Tặng	UV HĐQT	05	100%	

Nghị quyết Hội đồng quản trị năm 2018:

+ **Nghị quyết số 65/NQ-HĐQT** ngày 17 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 thông qua thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018; Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017- Phương án sản xuất kinh doanh năm 2018; Quy chế tiền lương Công ty năm 2018; Thống nhất xin ý kiến Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước về những nội dung chính của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 theo quy chế người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp.

+ **Nghị quyết số 82/NQ-HĐQT** ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 thông qua nội dung chốt danh sách cổ đông ngày 19/03/2018 phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4 năm 2018 và tạm ứng chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền mức 7,5%/cổ phiếu (750 đồng/cổ phiếu);

+ **Nghị quyết số 232/2018/NQ-ĐHĐCĐ** ngày 17 tháng 04 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4:

Thông qua Báo cáo HĐQT năm 2017;

Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017; phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2018;

Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017

Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 31/12/2017;

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và dự kiến phương án chia cổ tức năm 2018 theo nội dung tờ trình của Hội đồng quản trị;

Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch đầu tư theo báo cáo của Hội đồng quản trị;

Sắp xếp lại các Trạm quản lý đường thủy nội địa;

Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Hội đồng quản trị năm 2018 theo tờ trình của Hội đồng quản trị;

Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2018 theo tờ trình của Hội đồng quản trị.

+ **Nghị quyết số 474/NQ-HĐQT** ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 8 tháng đầu năm 2018 và phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh 4 tháng cuối năm 2018; Xây dựng quy trình quản lý đầu tư đối với các công trình, dự án, mua sắm tài sản; Thông qua trang bị 02 xuồng cao tốc và 01 xe ô tô 7 chỗ.

Các quyết định của HĐQT:

+ **Quyết định số 07/QĐ-HĐQT** ngày 12/01/2018 của Hội đồng quản trị về việc Ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng và chế độ đối với người lao động tại Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;

+ **Quyết định số 72/QĐ-HĐQT** ngày 23/02/2018 của Hội đồng quản trị về việc đổi lại tên và quy định chức năng nhiệm vụ của 02 Phòng nghiệp vụ Kinh doanh dự án và Kỹ thuật.

Phòng Kinh doanh dự án đổi tên là Phòng Kinh doanh dự án 1

Phòng Kỹ thuật đổi tên là Phòng Kinh doanh dự án 2

Thời gian có hiệu lực kể từ ngày ký;

+ **Quyết định số 116/QĐ-HĐQT** ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 về việc duyệt hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công nhân viên Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;

+ **Quyết định số 158/QĐ-HĐQT –CTCPĐT4** ngày 22/03/2018 của Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm chức vụ Trưởng phòng Tài chính – Kế toán công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 đối với bà Đinh Thị Đào kể từ ngày ký quyết định;

+ **Quyết định số 168/QĐ-HĐQT –CTCPĐT4** ngày 22/03/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 về việc giao nhiệm vụ Phụ trách phòng Tài chính – Kế toán công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 đối với ông Vũ Xuân Trường, kể từ ngày ký quyết định;

+ **Quyết định số 176/QĐ-HĐQT –ĐT4** ngày 29/03/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 về việc giao nhiệm vụ kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp Xăng dầu đối với ông Trịnh Đình Kiêm;

+ **Quyết định số 346/QĐ-HĐQT-CTĐT4** ngày 15/06/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 về việc thành lập Chi nhánh xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy 401;

+ **Quyết định số 346/QĐ-HĐQT-CTĐT4** ngày 15/06/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 về việc thành lập Chi nhánh xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy 402;

+ **Quyết định số 494A/QĐ-HĐQT –ĐT4** ngày 21/9/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 về việc mua sắm tài sản năm 2018;

+ **Quyết định số 517/QĐ-HĐQT –ĐT4** ngày 09/10/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 về việc Bán thanh lý xe ô tô tải Thaco HD650 (6,5 tấn);

Trong năm HĐQT đã thường xuyên giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Ban thường vụ Đảng ủy, Công đoàn Công ty để lãnh đạo thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, có mối liên hệ chặt chẽ với Ban kiểm soát và cung cấp đầy đủ nghị quyết các cuộc họp HĐQT.

Mọi hoạt động Công ty đã thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ cũng như các quy chế trong từng lĩnh vực quản lý của Công ty.

Các quy chế đã thực hiện theo pháp luật, Điều lệ hoạt động và thực tiễn kinh doanh trong cơ chế thị trường cùng với sự ủy quyền cao nhất tạo điều kiện thông thoáng cho bộ máy viên chức lãnh đạo quản lý điều hành công ty.

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.
d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không
e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Bảng 13: Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ QLHCNN
1	Dương Hải Thanh	1968	Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	Chuyên viên chính
2	Phạm Hồng Minh	1982	Thành viên HĐQT- Giám đốc	Cử nhân kinh tế	Chuyên viên
3	Nguyễn Phi Trường	1966	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	Chuyên viên chính
4	Phạm Văn Hanh	1971	Thành viên HĐQT	Kỹ sư Công trình thủy	Chuyên viên
5	Nguyễn Văn Tặng	1970	Thành viên HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	Chuyên viên

1.2. Ban Kiểm soát

Bảng 14: Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Thị Hằng	1981	Trưởng ban KS	Cử nhân Kinh tế	0.09%
2	Trần Thị Thoan	1979	Thành viên	Cử nhân Kinh tế XD	0,26%
3	Trần Thị Kiều	1987	Thành viên	Cử nhân QTDN	0,03%

Lý lịch thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên	**NGUYỄN THỊ HẰNG**
- Số CMND	125033067 ngày cấp 26/10/2009 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp
- Ngày sinh	26/12/1981
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Số nhà 36, Phố Vũ Giới, Phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.
- Địa chỉ hiện tại	Số nhà 36, Phố Vũ Giới, Phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
Tháng 8/2003-15/10/2012	Kế toán Tiết kiệm Bưu điện, Bưu điện Tỉnh Bắc Ninh
Từ 16/10/2012- 04/3/2015	Nhân viên Đội Công trình – Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
Từ 05/3/2015 đến 23/4/2017	Nhân viên Xí nghiệp Thương mại, Cơ khí - công trình – Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
Từ 24/04/2017 – nay	Trưởng ban kiểm soát – Nhân viên Xí nghiệp Thương mại, Cơ khí - công trình (Nay là Xí nghiệp thương mại Xăng dầu) – Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Trưởng ban kiểm soát – Nhân viên Xí nghiệp thương mại Xăng dầu - Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	1.100 cổ phần chiếm 0,09% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Họ và tên	**TRẦN THỊ THOAN**
- Số CMND	162200889 cấp ngày 04/8/2008 do Công an Tỉnh Nam Định cấp
- Ngày sinh	Ddinhj/10/1979
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Số 03, đường Võ Cường 21, Khu Hòa Đình, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Số 03, đường Võ Cường 21, Khu Hòa Đình, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế xây dựng
- Quá trình công tác	
Tháng 1 năm 2004 đến tháng 11 năm 2009	Nhân viên Phòng Kế hoạch – Đoạn Quản lý đường sông số 4 (Nay là Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4)
Tháng 12/2009 đến 04/3/2015	Phó Phòng Tổ chức – Hành chính, Phó Chủ tịch Công đoàn – Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
Từ 05/03/2015 đến 23/4/2017	Phó Phòng Tổ chức – Hành chính, Phó Chủ tịch Công đoàn, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng 2 - Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4
Từ 24/04/2017 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát - Phó Chủ tịch Công đoàn, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng 2 - Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát - Phó Chủ tịch Công đoàn, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng 2 - Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	3.000 cổ phần chiếm 0,26% Vốn Điều lệ

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Họ và tên	**TRẦN THỊ KIỀU**
- Số CMND	145197035 cấp ngày 08/9/2010 do Công an Tỉnh Hưng Yên cấp
- Ngày sinh	26/7/1987
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Số 168, đường Thiên Đức, Phường Vệ An, TP Bắc Ninh , Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Số 168, đường Thiên Đức, Phường Vệ An, TP Bắc Ninh , Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác	
T3/2011-25/4/2016	Nhân viên Phòng Kinh tế kế hoạch – Đoạn QLĐTNĐ số 4 (nay là Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
26/4/2016- nay	Thành viên ban kiểm soát – Nhân viên Phòng Kinh doanh dự án Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
Chức vụ Công ty hiện nay tại Công ty	Thành viên ban kiểm soát – Nhân viên Phòng Kinh doanh dự án Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	300 cổ phần chiếm 0,03% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

a) **Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

+ Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật Công ty.

+ Kiểm tra đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đo đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

+ Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

+ Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập, kiểm tra báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán để xem xét những ảnh hưởng sai sót kế toán kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính.

+ Những chất vấn, yêu cầu của một số cổ đông được giải quyết thấu đáo trong phạm vi quyền hạn và theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, hoạt động của Ban kiểm soát vẫn còn hạn chế như xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho các thành viên chưa được cụ thể, chưa chủ động trong việc đề xuất kế hoạch kiểm tra.

Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra của Công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại đơn vị thành viên Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Bảng 15: BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018 (TỪ 01/01/2018 ĐẾN 31/12/2018)

ĐVT: VND

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao HĐQT	Ghi chú
1	Dương Hải Thanh	1968	Chủ tịch HĐQT	214.680.000	
2	Phạm Hồng Minh	1982	Thành viên HĐQT	202.680.000	
3	Nguyễn Phi Trường	1966	Thành viên HĐQT	192.600.000	
4	Phạm Văn Hanh	1971	Thành viên HĐQT	147.450.000	
5	Nguyễn Văn Tặng	1970	Thành viên HĐQT	172.623.077	
6	Nguyễn Thị Hằng	1981	Trưởng ban KS	95.160.000	
7	Trần Thị Thoan	1979	Thành viên Ban KS	95.720.400	
8	Trần Thị Kiều	1987	Thành viên Ban KS	81.618.000	
	Cộng			**1.202.531.477**	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: 14.200 cổ phần

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: 14.200 cổ phần.

d) d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

e) Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị Công ty: Không có.

VI. Báo cáo tài chính:

1. **Ý kiến kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán :**

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM lập cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2018 của Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 được lập ngày 15 tháng 3 năm 2019 từ trang 01 đến trang 23 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 được đăng tải trên website của Công ty : www.inwama4.vn

Nơi nhận:
- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- SCIC;
- Đăng trên Websits Công ty;
- HĐQT,BKS;
- Lưu VT; thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 2300882483 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4
TP. BẮC NINH - T. BẮC NINH

Dương Hải Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bắc Ninh – Tháng 3 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 4568 /QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Cổ phần hóa Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 thành Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4; Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300882483 ngày 05/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp và thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 2 (hai) ngày 27/4/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300882483 ngày 27/4/2015 là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng).

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INLAND WATERWAY MANAGEMENT AND MAINTENANCE JOINT STOCK COMPANY N04.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Dương Hải Thanh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Phi Trường	Ủy viên
	Ông Phạm Hồng Minh	Ủy viên
	Ông Trần Văn Ơn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Tặng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Phạm Hồng Minh	Giám đốc
	Ông Nguyễn Phi Trường	Phó Giám đốc
	Ông Trần Văn Ơn	Phó Giám đốc
	Ông Trịnh Đình Kiêm	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Phạm Hồng Minh
Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 15 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
T +84 (24) 3 783 2121
F +84 (24) 3 783 2122
E info@cpavietnam.vn
W www.cpavietnam.vn

Số: 199/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4, được lập ngày 15/3/2019, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

MOORE STEPHENS INTERNATIONAL LIMITED
A member of Members in principal cities throughout the world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Vũ Ngọc Án	**Vũ Xuân Hùng**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2017-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2019

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**40.282.389.735**	**35.824.657.997**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**2.239.459.617**	**241.068.992**
1. Tiền	111		2.239.459.617	241.068.992
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**33.547.254.230**	**31.969.632.004**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	25.329.249.373	23.476.758.289
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		661.840.012	885.384.512
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	7.556.164.845	7.607.489.203
IV. Hàng tồn kho	**140**		**4.495.675.888**	**3.613.957.001**
1. Hàng tồn kho	141	5.4	4.495.675.888	3.613.957.001
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**13.956.826.689**	**13.778.736.079**
II. Tài sản cố định	**220**		**12.993.699.281**	**12.909.686.902**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	12.993.699.281	12.909.686.902
- Nguyên giá	*222*		*33.189.762.151*	*31.286.136.519*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(20.196.062.870)*	*(18.376.449.617)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**99.800.000**
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	99.800.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**963.127.408**	**769.249.177**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	963.127.408	769.249.177
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**54.239.216.424**	**49.603.394.076**

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

		MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**41.074.145.051**	**36.825.014.879**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**40.042.168.493**	**35.759.848.879**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	2.442.187.283	3.320.915.943
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.542.209.226	584.878.394
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	2.702.546.850	3.501.186.234
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.9	12.956.885.937	12.625.468.308
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	16.359.960.000	15.727.400.000
12.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		38.379.197	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**1.031.976.558**	**1.065.166.000**
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	1.031.976.558	1.065.166.000
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)**	**400**		**13.165.071.373**	**12.778.379.197**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.11**	**13.165.071.373**	**12.778.379.197**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.600.000.000	11.600.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*11.600.000.000*	*11.600.000.000*
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		117.000.000	117.000.000
7.	Quỹ đầu tư phát triển	418		368.000.000	368.000.000
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.080.071.373	693.379.197
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*1.080.071.373*	*693.379.197*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)		**440**		**54.239.216.424**	**49.603.394.076**

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 3 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Chu Thị Thập	Vũ Xuân Trường	Phạm Hồng Minh

MẪU B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.12	122.596.645.308	104.360.785.013
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		122.596.645.308	104.360.785.013
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.13	107.406.627.949	91.701.449.589
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**15.190.017.359**	**12.659.335.424**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.14	7.694.472	2.656.889
7.	Chi phí tài chính	22	5.15	1.973.640.077	1.168.923.647
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.973.640.077*	*1.168.923.647*
8.	Chi phí bán hàng	25	5.16	4.589.187.975	4.712.254.721
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.16	5.860.707.925	5.490.637.752
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**2.774.175.854**	**1.290.176.193**
11.	Thu nhập khác	31	5.17	-	-
12.	Chi phí khác	32	5.17	940.794.616	84.745.000
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	**5.17**	**(940.794.616)**	**(84.745.000)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)**	**50**		**1.833.381.238**	**1.205.431.193**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	535.309.865	258.035.239
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**1.298.071.373**	**947.395.954**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19	931	750

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 3 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Chu Thị Thập	Vũ Xuân Trường	Phạm Hồng Minh

M.S.D.N: 2300882483 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4 TP. BẮC NINH - T. BẮC NINH

MẪU B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. ***Lợi nhuận trước thuế***	01	**1.833.381.238**	**1.205.431.193**
2. ***Điều chỉnh cho các khoản***			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1.901.114.433	1.763.603.854
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	101.786.166	(2.656.889)
- Chi phí lãi vay	06	1.973.640.077	1.168.923.647
3. ***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	08	**5.809.921.914**	**4.135.301.805**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.577.622.226)	311.792.218
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(881.718.887)	(328.023.471)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	3.455.031.903	(5.130.641.233)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(193.878.231)	54.131.761
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.973.640.077)	(1.168.923.647)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(378.961.351)	(200.000.000)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	**4.256.133.045**	**(2.326.362.567)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.444.807.450)	(876.269.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	450.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.694.472	2.656.889
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	**(1.987.112.978)**	**(873.612.202)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ các khoản vay	33	49.554.750.000	52.238.400.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(48.955.379.442)	(48.120.148.440)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(870.000.000)	(754.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	**(270.629.442)**	**3.364.251.560**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	**1.998.390.625**	**164.276.791**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	**241.068.992**	**76.792.201**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	**2.239.459.617**	**241.068.992**

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 3 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Chu Thị Thập	Vũ Xuân Trường	Phạm Hồng Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Mẫu B 09-DN

1. KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 được thành lập theo Quyết định số 4568 /QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Cổ phần hóa Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 thành Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4; Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300882483 ngày 05/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp và thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 2 (hai) ngày 27/4/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300882483 ngày 27/4/2015 là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INLAND WATERWAY MANAGEMENT AND MAINTENANCE JOINT STOCK COMPANY N04.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Số lao động bình quân trong năm: 281 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
  Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Xây dựng công trình công ích.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Phá dỡ.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu
  Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông.
- Đóng tàu và cấu kiện nổi.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
  Chi tiết: Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy.
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
  Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy.
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa.
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động
  (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
- Mua bán, cho thuê phương tiện đường thủy, đường bộ. Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện.
- Thi Công xây dựng, sửa chữa Công trình giao thông thủy, bộ, dân dụng và thủy lợi;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Điều tiết,bảo trì vận tải đường thủy nội địa, kinh doanh dầu, hoạt động quản lý đường thủy nội địa; mua bán xăng dầu.

1.3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018 Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 38
Máy móc, thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải	05-15
Dụng cụ, quản lý	05

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), đối với các công cụ dụng cụ có giá trị lớn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

-4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mức kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán;
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư…,) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

  Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng các hoạt động của Công ty không có rủi ro và lợi ích kinh tế khác nhau. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	326.911.362	160.612.139
Tiền gửi ngân hàng	1.912.548.255	80.456.853
Tổng	**2.239.459.617**	**241.068.992**

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	**25.329.249.373**	**23.476.758.289**
Công ty TNHH Vận tải và xếp dỡ đường thuỷ nội địa	3.620.138.000	3.620.138.000
Cục Đường Thủy Nội Địa Việt Nam	996.368.213	4.922.123.211
Công ty TNHH Thương mại và vận tải Định Phương	5.943.962.128	1.608.999.343
Công ty TNHH xây dựng Tân Thịnh	2.746.026.000	491.717.000
Chi cục Đường thuỷ nội địa phía Bắc	1.830.066.000	1.033.352.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	10.192.689.032	11.800.428.735
Tổng	**25.329.249.373**	**23.476.758.289**

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**7.556.164.845**	-	**7.607.489.203**	-
- Ký cược, ký quỹ	1.203.491.063		382.019.919	-
- Phải thu các đội, xí nghiệp	1.698.704.155	-	4.562.060.953	-
- Phải thu khác	1.572.403.733	-	932.733.733	-
- Tạm ứng	3.081.565.894	-	1.730.674.598	-
Tổng	**7.556.164.845**	-	**7.607.489.203**	-

5.4 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	159.520.768	-	119.068.403	-
Công cụ, dụng cụ	17.545.870	-	17.545.870	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	3.086.492.633	-	2.006.356.543	-
Thành phẩm	-	-	47.043.321	-
Hàng hóa	1.232.116.617	-	1.423.942.864	-
Tổng	**4.495.675.888**	-	**3.613.957.001**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	**963.127.408**	**769.249.177**
Chi phí công cụ, dụng cụ	378.237.778	569.443.624
Chi phí hệ thống quản lý chất lượng ISO, chi phí sửa chữa	584.889.630	199.805.553
Tổng	**963.127.408**	**769.249.177**

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2018	**9.580.820.903**	**1.655.901.870**	**20.003.413.746**	**46.000.000**	**31.286.136.519**
Tăng trong năm	**1.083.807.450**	-	**1.460.800.000**	-	**2.544.607.450**
Mua trong năm	1.083.807.450		1.460.800.000		2.544.607.450
Giảm trong năm	-	-	**640.981.818**	-	**640.981.818**
Thanh lý, nhượng bán			640.981.818		640.981.818
Số dư tại 31/12/2018	**10.664.628.353**	**1.655.901.870**	**20.823.231.928**	**46.000.000**	**33.189.762.151**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2018	**2.775.762.285**	**538.665.663**	**15.029.968.872**	**32.052.797**	**18.376.449.617**
Tăng trong năm	**743.079.934**	**150.046.932**	**1.001.582.195**	**6.405.372**	**1.901.114.433**
Khấu hao trong năm	743.079.934	150.046.932	1.001.582.195	6.405.372	1.901.114.433
Giảm trong năm	-	-	**81.501.180**	-	**81.501.180**
Thanh lý, nhượng bán			81.501.180		81.501.180
Số dư tại 31/12/2018	**3.518.842.219**	**688.712.595**	**15.950.049.887**	**38.458.169**	**20.196.062.870**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2018	**6.805.058.618**	**1.117.236.207**	**4.973.444.874**	**13.947.203**	**12.909.686.902**
Tại 31/12/2018	**7.145.786.134**	**967.189.275**	**4.873.182.041**	**7.541.831**	**12.993.699.281**

5.7 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	**2.442.187.283**	**2.442.187.283**	**3.320.915.943**	**3.320.915.943**
Công ty cổ phần Đầu tư TVHT	614.575.000	614.575.000	614.575.000	614.575.000
Chi nhánh xăng dầu Bắc Ninh	689.798.680	689.798.680	1.007.458.418	1.007.458.418
Hợp tác xã Cổ phần Mùa Xuân	514.858.000	514.858.000	239.402.000	239.402.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác	622.955.603	622.955.603	1.459.480.525	1.459.480.525
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	**2.442.187.283**	**2.442.187.283**	**3.320.915.943**	**3.320.915.943**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Thuế và các khoản thu, phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
Phải nộp	**3.501.186.234**	**3.853.667.687**	**4.652.307.071**	**2.702.546.850**
Thuế giá trị gia tăng	3.178.206.346	3.146.176.842	4.101.164.740	2.223.218.448
Thuế XNK	-	30.092.027	30.092.027	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	322.979.888	535.309.865	378.961.351	479.328.402
Thuế thu nhập cá nhân	-	20.941.953	20.941.953	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	111.147.000	111.147.000	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-

5.9 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	**12.956.885.937**	**12.625.468.308**
Kinh phí công đoàn	-	72.470.160
Bảo hiểm xã hội	105.098.915	527.460.095
Bảo hiểm y tế	-	376.202.221
Bảo hiểm thất nghiệp	-	255.947.303
Phải trả, phải nộp khác	7.970.000	-
Phải trả các xí nghiệp, các đội	12.843.817.022	11.393.388.529
Tổng	**12.956.885.937**	**12.625.468.308**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

5.10 Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay

	31/12/2018 (VND)		Phát sinh trong năm		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**16.359.960.000**	**16.359.960.000**	**48.910.000.000**	**48.277.440.000**	**15.727.400.000**	**15.727.400.000**
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bắc Ninh (1)	5.000.000.000	5.000.000.000	24.355.000.000	25.855.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc dân Bắc Ninh (2)	3.649.960.000	3.649.960.000	16.035.000.000	16.035.040.000	3.650.000.000	3.650.000.000
Công ty TNHH vận tải thủy Hoàng Diên	1.400.000.000	1.400.000.000			1.400.000.000	1.400.000.000
Vay cá nhân	6.310.000.000	6.310.000.000	8.520.000.000	6.387.400.000	4.177.400.000	4.177.400.000
Vay dài hạn	**1.031.976.558**	**1.031.976.558**	**805.000.000**	**838.189.442**	**1.065.166.000**	**541.676.000**
Ngân hàng TMCP An Bình-Chi nhánh Bắc Ninh (3)	216.680.000	216.680.000	-	324.996.000	541.676.000	541.676.000
Ngân hàng TMCP Quốc dân Bắc Ninh	36.690.000	36.690.000	-	486.800.000	523.490.000	-
Ngân hàng SHINHAN Bắc ninh (4)	778.606.558	778.606.558	805.000.000	26.393.442	-	-
Tổng	**17.391.936.558**	**17.391.936.558**	**49.715.000.000**	**49.115.629.442**	**16.792.566.000**	**16.269.076.000**

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 238/2018/7766670/HĐTD ngày 25/10/2018 với mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hạn mức tối đa là 10 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo: HĐ thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 0037/2016/8583711 ngày 23/5/2016, số 0057/2015/7766670/HĐBĐ ngày 31/8/2015; HĐ thế chấp tài sản số: 0058/2015/7766670/HĐBĐ ngày 01/09/2015, 0075/2015/7766670/HĐBĐ ngày 05/10/2015, 0076/2015/7766670/HĐBĐ ngày 05/10/2015, 0074/2015/7766670/HĐBĐ ngày 05/10/2015; HĐ thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0079/2015/7766670/HĐBĐ ngày 20/10/2015.

(2) Hợp đồng hạn mức tín dụng số: 3511/18/HĐHM-9235 ngày 23/11/2018 với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh .Hạn mức cấp tín dung cho hợp đồng này là 16 tỷ đồng, hạn mức cho vay tối đa là 7 tỷ đồng, bảo lãnh tối đa là 9 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân, lãi suất được điều chỉnh theo tình hình thị trường tài chính. Tài sản đảm bảo: HĐ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1433/2016/HĐTC/114-11 ngày 14/12/2016 và HĐ sửa đổi bổ sung số 893/2017/HĐSĐBD/HĐTC-9235 ngày 05/10/2017 và HĐ sửa đổi, bổ sung số 798/2018/HĐSĐBD/HĐTC-9235 ngày 23/11/2018; HĐ thế chấp quyền sử dụng đất số 1054/2016/HĐTC/114-11 ngày 04/10/2016 và HĐ sửa đổi, bổ sung số 894/2017/HĐSĐBD/HĐTC-9235 ngày 05/10/2017 và HĐ sửa đổi, bổ sung số 797/2018/HĐSĐBD/HĐTC-9235.

(3) Hợp đồng tín dụng số: 3894/15/TD-TT/XIV ngày 20/8/2015 với số tiền vay là một tỷ ba trăm triệu đồng. Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh: xe ô tô tải Hino FM8JNSA và bộ Xitec chở xăng dung tích 18m3, thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền vay lần đầu, lãi suất theo quy định của ABBANK tại thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Xe ô tô tải Hino và bộ Xitec chở xăng, dầu dung tích 18m3 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 4019/15/TC-TT/XIV.

(4) Hợp đồng tín dụng số: SHBVN/BN/2018/CA-0539 ngày 08/11/2018 với mục đích sử dụng: mua ô tô mới. Giá trị tổng hạn mức tín dụng là 805 triệu đồng, phương thức cho vay: cho vay theo từng lần, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 60 tháng. Lãi suất vay được thỏa thuận phù hợp giữa các bên theo quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết. Tài sản đảm bảo là xe ô tô TOYOTA FORTUNER màu đen, số khung: MHFJX3GS6J0581034, số máy A5200032TR, biển số: 99A-256.85 trị giá một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng.

5.11 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	**11.600.000.000**	**117.000.000**	**234.000.000**	**943.531.089**	**12.894.531.089**
Tăng vốn	-				-
Lãi trong năm	-			947.395.954	947.395.954
Phân phối lợi nhuận (2016)	-	-	134.000.000	(189.531.089)	(55.531.089)
Chia trả cổ tức (2016)	-	-	-	(754.000.000)	(754.000.000)
Phân phối lợi nhuận (2017)	-	-	-	(254.016.757)	(254.016.757)
Số dư tại 31/12/2017	**11.600.000.000**	**117.000.000**	**368.000.000**	**693.379.197**	**12.778.379.197**
Số dư tại 01/01/2018	**11.600.000.000**	**117.000.000**	**368.000.000**	**693.379.197**	**12.778.379.197**
Lãi trong năm	-	-	-	1.298.071.373	1.298.071.373
Phân phối lại lợi nhuận 2017	-	-	-	176.620.803	176.620.803
Chia trả cổ tức (2017)	-	-	-	(870.000.000)	(870.000.000)
Phân phối lợi nhuận (2018)	-	-	-	(218.000.000)	(218.000.000)
Số dư tại 31/12/2018	**11.600.000.000**	**117.000.000**	**368.000.000**	**1.080.071.373**	**13.165.071.373**

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Vốn góp của Nhà nước	5.916.000.000	5.916.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	5.684.000.000	5.684.000.000
Tổng	**11.600.000.000**	**11.600.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	11.600.000.000	11.600.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm		-
Vốn góp tại cuối năm	11.600.000.000	11.600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**870.000.000**	**754.000.000**
Phân phối quỹ	**218.000.000**	**77.395.954**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

5.11 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu lưu hành	**1.160.000**	**1.160.000**
Số lượng cổ phiếu phát hành	**1.160.000**	**1.160.000**
Cổ phiếu phổ thông	1.160.000	1.160.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-
Số lượng cổ phiếu lưu hành	**1.160.000**	**1.160.000**
Cổ phiếu phổ thông	1.160.000	1.160.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.12 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	83.374.990.095	75.256.276.954
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.117.629.122	29.104.508.059
Doanh thu Hợp đồng xây dựng	7.104.026.091	-
Tổng	**122.596.645.308**	**104.360.785.013**

5.13 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	77.921.091.374	69.612.946.777
Giá vốn cung cấp dịch vụ	22.857.856.363	22.088.502.812
Giá vốn Hợp đồng xây dựng	6.627.680.212	-
Tổng	**107.406.627.949**	**91.701.449.589**

5.14 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.694.472	2.656.889
Tổng	**7.694.472**	**2.656.889**

5.15 Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	1.973.640.077	1.168.923.647
Tổng	**1.973.640.077**	**1.168.923.647**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

5.16 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí bán hàng	**4.589.187.975**	**4.712.254.721**
Chi phí nhân viên	1.775.619.626	1.824.390.135
Chi phí vật liệu, bao bì		151.657.292
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	224.630.369	207.108.661
Chi phí khấu hao TSCĐ	638.304.924	685.380.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.874.085	
- Chi phí chiết khấu	*648.335.900*	*408.549.800*
- Chi tiếp khách, khánh tiết	*157.244.409*	*478.752.091*
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	*1.017.178.662*	*956.416.028*
Chi phí quản lý	**5.860.707.925**	**5.490.637.752**
Chi phí nhân viên quản lý	2.824.531.516	2.838.516.906
Chi phí vật liệu quản lý	149.855.729	163.187.172
Chi phí đồ dùng văn phòng	277.541.180	254.371.095
Chi phí khấu hao TSCĐ	462.767.237	439.138.788
Thuế phí và lệ phí	463.895.557	301.941.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.004.367	141.275.306
Chi phí bằng tiền khác		
- Chi tiếp khách, khánh tiết	*817.773.770*	*754.131.463*
- Chi phí bằng tiền khác	*709.338.569*	*598.075.878*
Tổng	**10.449.895.900**	**10.202.892.473**

5.17 Thu nhập/ Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác		
Tổng	-	-
Chi phí khác		
Phạt, lãi chậm nộp thuế và Bảo hiểm	831.313.978	84.745.000
Lỗ thanh lý tài sản	109.480.638	-
Tổng	**940.794.616**	**84.745.000**
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	**(940.794.616)**	**(84.745.000)**

5.18 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	**1.833.381.238**	**1.205.431.193**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	843.168.088	84.745.000
Thu nhập chịu thuế	**2.676.549.326**	**1.290.176.193**
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**535.309.865**	**258.035.239**
Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	535.309.865	258.035.239
Tổng	**535.309.865**	**258.035.239**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

5.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	**1.298.071.373**	**947.395.954**
Các khoản điều chỉnh		
Các khoản điều chỉnh giảm (*)	218.000.000	77.395.954
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	**1.080.071.373**	**870.000.000**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.160.000	1.160.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**931**	**750**

(*) Khoản điều chỉnh giảm năm 2018 là khoản tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận được thông qua đại hội đồng cổ đông năm 2018. Chỉ tiêu này có thể thay đổi khi có Nghị quyết đại hội cổ đông về việc phân phối lợi nhuận năm 2018.

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch các bên liên quan

Lương và thù lao hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

		Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát	Lương, Thù lao	1.256.234.615	864.288.000
Tổng		**1.256.234.615**	**864.288.000**

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 3 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Chu Thị Thập	Vũ Xuân Trường	Phạm Hồng Minh